



ĐỖ VĂN LỢI (Tổng Chủ biên)
PHẠM THỊ THU HÀ - NGUYỄN THỊ THU HẰNG (Đồng Chủ biên)

TÀI LIỆU GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lớp 8



ĐỖ VĂN LỢI (Tổng Chủ biên) - PHẠM THỊ THU HÀ - NGUYỄN THỊ THU HẰNG (Đồng Chủ biên)
ĐOÀN TRƯỜNG SƠN - NGUYỄN THỊ THU HOÀI - ĐỖ THỊ THU TRANG - BÙI THỊ NGUYỆT NGÀ
TRẦN THỊ GIANG - NGUYỄN ĐÌNH MINH - HOÀNG THỊ KIM LIÊN - ĐÀO TRUNG QUÂN
NGUYỄN THỊ TRANG NHUNG - NGUYỄN THỊ KIM OANH - PHÙNG THỊ LAN - ĐỖ THỊ QUYÊN

TÀI LIỆU

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Lớp **8**



LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến!

Thành phố Hải Phòng đã gắn với hình ảnh một thành phố năng động, hiện đại, đồng thời cũng là một mảnh đất có lịch sử lâu đời, giàu truyền thống.

Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 8 sẽ tiếp tục đưa các em đến với hành trình trải nghiệm, khám phá về lịch sử, văn hóa, những thành tựu về chính trị, kinh tế, xã hội... của thành phố.

Tài liệu gồm các chủ đề gắn với các nội dung đặc trưng của địa phương; được thiết kế qua các hoạt động: Mở đầu, Hình thành kiến thức mới, Luyện tập và Vận dụng nhằm tạo điều kiện giúp các em phát huy tính tích cực trong quá trình học tập, phát triển năng lực tự học của bản thân.

Với thiết kế hiện đại, nội dung cập nhật, hình ảnh phong phú, ban biên tập *Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 8* hy vọng không chỉ mang đến tri thức về thành phố Hải Phòng mà còn bồi đắp tình yêu quê hương, định hướng hành động để các em góp phần bảo vệ, xây dựng và phát triển thành phố thân yêu.

Chúc các em có những trải nghiệm bổ ích, thú vị cùng *Tài liệu giáo dục địa phương thành phố Hải Phòng lớp 8* và sẽ yêu quý, giữ gìn cuốn sách này luôn sạch đẹp.

BAN BIÊN SOẠN



MỤC LỤC

Chủ đề	NỘI DUNG	Trang
1	Vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802	5
2	Vùng đất Hải Phòng từ năm 1802 đến năm 1888	12
3	Hải Phòng từ năm 1888 đến năm 1918	19
4	Âm nhạc truyền thống Hải Phòng tìm hiểu về Ca trù Đông môn	26
5	Múa rối cặn Bảo Hà	31
6	Thơ nômi Nguyễn Bỉnh Khiêm	35
7	Phòng chống đuối nước cho học sinh Hải Phòng	40
8	Bảo vệ môi trường biển khu vực Hải Phòng	46



HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG SÁCH



Mở đầu

Xác định vấn đề học sinh cần giải quyết, kết nối với những vấn đề học sinh đã biết, nêu vấn đề nhằm kích thích tư duy, tạo hứng thú cho học sinh.



Kiến thức mới

Các nội dung (kênh chữ, kênh hình) và các hoạt động học tập giúp học sinh tiếp nhận kiến thức mới.



Kết nối tri thức với các lĩnh vực khác

Các thông tin hỗ trợ có tính liên môn nhằm làm rõ các nội dung chính.



Câu hỏi



Em có biết?

Mở rộng, cung cấp thêm thông tin liên quan đến nội dung bài học.



Luyện tập

Các câu hỏi, bài tập, thực hành để củng cố kiến thức, rèn luyện kỹ năng gắn với kiến thức vừa học.



Vận dụng

Sử dụng các kiến thức, kỹ năng đã học để giải quyết các tình huống, vấn đề trong thực tiễn.

Chủ đề

1

VÙNG ĐẤT HẢI PHÒNG TỪ NĂM 1527 ĐẾN NĂM 1802

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được sự thay đổi về địa giới hành chính; trình bày được tình hình kinh tế, văn hóa và giáo dục của vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802.
- Có thái độ trân trọng và tự hào về những thành tựu kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng đất Hải Phòng thời kì này.



Mở đầu

Từ năm 1527 đến năm 1802 là thời kì diễn ra nhiều biến động trong lịch sử dân tộc. Do nằm ở vị trí phía Đông miền duyên hải Bắc Bộ, là vùng đất cửa biển và chịu sự tác động từ chính sách trị vì của các vương triều (Mạc, Lê trung hưng, Tây Sơn), vùng đất Hải Phòng đã có những đổi thay về địa giới hành chính và đạt được những thành tựu về kinh tế, văn hóa, giáo dục, góp phần vào sự phát triển chung của dân tộc.



Kết nối với lịch sử dân tộc

* Các triều đại phong kiến từ năm 1527 đến năm 1802:

- Nhà Mạc (1527 - 1592)
- Nhà Lê trung hưng (1533 - 1788)

Nhà Hậu Lê gồm 2 giai đoạn: Lê sơ (1428 - 1527) và Lê trung hưng.

- Nhà Tây Sơn (1788 - 1802)

* Trong các thế kỉ XVI - XVIII đã xảy ra những biến động chính trị lớn:

- Xung đột Nam - Bắc triều (nửa sau thế kỉ XVI).
- Xung đột Trịnh - Nguyễn (1627-1672) dẫn đến sự chia cắt đất nước đến cuối thế kỉ XVIII.





Kiến thức mới

I. ĐỊA GIỚI HÀNH CHÍNH

Thời Mạc

- Vùng đất Hải Phòng thuộc Dương Kinh - kinh đô thứ hai của nhà Mạc. Địa bàn hành chính của Dương Kinh là vùng rộng lớn gồm Hải Phòng, Hải Dương, một phần của Bắc Ninh, Thái Bình ngày nay.
- Làng Cổ Trai, huyện Nghi Dương, phủ Kinh Môn, trấn Hải Dương (nay là làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng) là trung tâm của Dương Kinh.

Thời Lê trung hưng

- Năm 1592, nhà Lê lật đổ nhà Mạc. Nhà Lê chia cả nước thành 13 đạo thừa tuyên⁽¹⁾ (sau đổi là lộ). Vùng đất Hải Phòng nằm trong 3 phủ Kinh Môn, Nam Sách, Hạ Hồng thuộc thừa tuyên Hải Dương.
- Các huyện: An Lão (nay là huyện An Lão và quận Kiến An), Nghi Dương (nay là huyện Kiến Thụy, quận Dương Kinh, quận Đồ Sơn), Thủy Đường (nay là huyện Thủy Nguyên), An Dương (nay là các huyện, quận: An Dương, Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An) thuộc phủ Kinh Môn.
- Tiên Minh (nay là huyện Tiên Lãng) thuộc phủ Nam Sách.
- Vĩnh Lại (phần lớn của huyện Vĩnh Bảo hiện nay) thuộc phủ Hạ Hồng.
- Các đảo Cát Hải, Cát Bà (nay là huyện Cát Hải) và đảo Bạch Long Vĩ thuộc huyện Hoa Phong, phủ Hải Đông, thừa tuyên An Quảng (tỉnh Quảng Ninh ngày nay).

Thời Tây Sơn

- Nhà Tây Sơn đã tiến hành điều chỉnh lại một số đơn vị hành chính, chuyển cách gọi các đơn vị “lộ” thành “trấn” (còn gọi là xứ). Mỗi trấn (xứ) được chia làm nhiều phủ, mỗi phủ kiêm quản một số huyện.
- Các huyện: Thủy Đường (Thủy Nguyên), An Dương (An Dương, Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An), An Lão (An Lão, Kiến An) và Nghi Dương (Kiến Thụy, Dương Kinh, Đồ Sơn) trong phủ Kinh Môn thuộc xứ Đông được cắt chuyển về xứ An Quảng.



Địa giới hành chính của vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802 đã có sự thay đổi như thế nào?

⁽¹⁾Đạo thừa tuyên: đơn vị hành chính trực thuộc triều đình, tương đương cấp tỉnh ngày nay.



II. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Nông nghiệp

Nhà Mạc coi trọng việc đắp đê phòng lụt, đào kênh mương làm thủy lợi, khai phá đất bị bỏ hoang ở ven sông, ven biển nên đời sống nông dân ổn định, nhiều năm được mùa. Sau năm 1545, xung đột Nam - Bắc triều⁽²⁾ liên miên đã làm cho nông nghiệp phần nào bị ảnh hưởng, đình đốn, thêm nạn hạn hán, lụt bão thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống nhân dân.

Thời Lê trung hưng, ngoài lúa là loại cây trồng chủ lực, đất ở một số vùng thuộc các huyện Tiên Lãng, Vĩnh Bảo và An Lão còn hợp với cây thuốc Lào. Thuốc Lào của làng An Tử Hạ⁽³⁾ từng được chọn làm vật phẩm tiến vua.

Thời Tây Sơn, ngay sau khi cuộc kháng chiến chống quân Thanh xâm lược (1789) kết thúc, hoàng đế Quang Trung đã ban chiếu Khuyến nông nhằm khuyến khích dân lưu tán trở về quê quán làm ăn. Thực hiện theo chính sách đó, kinh tế nông nghiệp của vùng đất Hải Phòng đã có sự phục hồi nhanh chóng.

2. Thủ công nghiệp

Thời Mạc

Một số nghề thủ công như chạm khắc đá, làm gốm sứ... khá phát triển.

Các di vật đá vùng Dương Kinh như rồng đá, tượng ông hoàng, bà chúa; di vật đá ở các chùa như Trà Phương, Hòa Liễu, Nhân Trai, Cổ Trai (Kiến Thụy), Bảo Quang (Vĩnh Bảo)... cho thấy số lượng thợ chạm khắc rất đông đảo. Nhiều người được triều đình coi trọng, ban chức tước.



▲ Hình 1.1. Bia kí thời Mạc ở chùa Nhân Trai (xã Đại Hà, huyện Kiến Thụy) (Ảnh: Vũ Quốc Trị)

Thời Lê trung hưng

Cũng giống như nghề thủ công trên cả nước thời kì này, các nghề thủ công truyền thống trên vùng đất Hải Phòng phát triển mạnh mẽ theo hướng hình thành các làng nghề.

Trong đó, tiêu biểu nhất là làng tạc tượng Bảo Hà (tên gọi khác là làng Linh Động, huyện Vĩnh Lại, nay thuộc xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo).

⁽²⁾Xung đột Nam - Bắc triều: cuộc xung đột giữa hai tập đoàn phong kiến: Nam triều (do một số cựu thần nhà Lê lập ra ở vùng Thanh Hóa) với Bắc triều (nhà Mạc). Đến năm 1592, Nam triều chiếm được Thăng Long, nhà Mạc bị lật đổ.

⁽³⁾Làng An Tử Hạ thuộc huyện Tân Minh, phủ Nam Sách, trấn Hải Dương, nay là thôn Nam Tử 1, xã Kiến Thiết, huyện Tiên Lãng, thành phố Hải Phòng

Nhà Tây Sơn rất chú trọng phát triển thủ công nghiệp và thương nghiệp. Một trong những nghề thủ công phát triển mạnh dưới thời Tây Sơn là đúc đồng. Ở Hải Phòng hiện còn lưu giữ 10 quả chuông đồng đúc dưới thời Tây Sơn trong các ngôi chùa và các cơ sở thờ tự khác. Làng tạc tượng Bảo Hà (xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo) đã có sự phát triển vượt bậc ở thời kì này.

3. Thương nghiệp

Thời Mạc, buôn bán, giao thương nhộn nhịp, hình thành nhiều thương cảng nổi tiếng ở Phố Lồ, Minh Thị (Tiên Lãng), Do Nha (An Dương), Làng Cũ (Cát Bà), Cẩm Khê (Thủy Nguyên)... Hoạt động thương mại ở đây không chỉ phục vụ nhu cầu của nhân dân địa phương mà còn trao đổi với các nước trong khu vực và quốc tế.

Thời Lê trung hưng, vùng đất Hải Phòng đã hình thành nhiều chợ có quy mô lớn như chợ Mỗ (Kiến Thụy), chợ Hố, chợ Rế (An Dương)... Đặc biệt, các chợ có quy mô lớn kết thành chuỗi, họp theo phiên ngày càng trở nên phổ biến. Thủy Nguyên có hơn 20 chợ nổi tiếng có quy mô liên vùng như chợ Tổng, chợ Sứa, chợ Trịnh, chợ Giá... Vĩnh Bảo có 5 chợ lớn nổi tiếng khắp Đàng Ngoài⁽⁴⁾ là chợ Râu, chợ Mết, chợ Ngà, chợ Cầu và chợ Táng.

Từ thế kỷ XVII, tàu thuyền từ các nước Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha đến buôn bán tại cảng Đô-me (Domea) trên sông Văn Úc (Tiên Lãng). Thương nhân người Việt cũng tham gia vào hoạt động của các thương thuyền nước ngoài bằng cách thu gom các sản phẩm xuất khẩu theo yêu cầu của người châu Âu. Hàng hóa được tập kết tại cảng Đô-me có thể được chuyển tới các cảng khác ở châu Á như Hi-ra-đô (Nhật Bản), Ma Cao (Trung Quốc), Ba-ta-vi-a (In-đô-nê-xi-a) hoặc chở thẳng về Luân Đôn (Anh), Am-xtéc-đam (Hà Lan).

Bên cạnh đó, còn có sự xuất hiện của thương nhân Trung Quốc, một số nước Đông Nam Á tại nhiều chợ trên vùng đất Hải Phòng như chợ Giá (Thủy Nguyên), chợ Đồi (Tiên Lãng), chợ Hố (An Dương), chợ Mỗ (Kiến Thụy), chợ Nam Am (Vĩnh Bảo)...



Kết nối với lịch sử thế giới

Các cuộc phát kiến địa lí thế kỉ XV - XVI có vai trò to lớn đối với sự phát triển thương mại của châu Âu và thế giới.

Thế kỉ XVII - XVIII được coi là thời đại thương mại Biển Đông. Các đoàn thương thuyền châu Âu (Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Anh, Pháp...) đã đưa khu vực Đông Nam Á vào các hoạt động thương mại mang tính quốc tế.

Chợ phiên, hội chợ cũng là hình thức phát triển thương nghiệp phổ biến trên thế giới thế kỉ XVII - XVIII.



1. Trình bày tình hình kinh tế của vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802.
2. Chia sẻ hiểu biết của em về một địa danh (chùa, chợ, làng nghề...) được đề cập trong mục II.

⁽⁴⁾ Xung đột giữa hai tập đoàn phong kiến Trịnh - Nguyễn (1627 - 1672) không phân thắng bại, hai bên giảng hòa, lấy sông Gianh (Quảng Bình) làm giới tuyến, chia đất nước làm hai: Đàng Ngoài và Đàng Trong, với hai chính quyền riêng biệt.

III. TÌNH HÌNH VĂN HÓA VÀ GIÁO DỤC

Thời Mạc

Nhà Mạc vẫn dựa vào Nho giáo để tiếp tục xây dựng thể chế, chính sách của vương triều.

Phật giáo thời kì này phát triển. Trên vùng đất Hải Phòng có nhiều chùa được xây dựng như: Bảo Phúc, Kiến Linh (Thủy Nguyên), Bách Phương (An Lão), Phổ Chiếu (Kiến Thụy)...

Văn học xuất hiện nhiều tác gia và tác phẩm nổi tiếng. Tiêu biểu là tập thơ *Bạch Vân am thi tập* (chữ Hán, khoảng 700 bài) và *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* (chữ Nôm, khoảng hơn 170 bài) của Nguyễn Bỉnh Khiêm.

Nhà Mạc coi trọng khoa cử, với 65 năm trị vì, đã tổ chức 22 khoa thi, lấy đỗ 499 Tiến sĩ, trong đó có 13 Trạng nguyên, riêng vùng đất Hải Phòng có Trạng nguyên Nguyễn Bỉnh Khiêm và 25 Tiến sĩ.

Thời Lê trung hưng

Cũng như tình hình chung trong cả nước, vùng đất Hải Phòng chứng kiến một thời kì phục hưng Phật giáo. Nhiều ngôi chùa được trùng tu, xây lại với quy mô lớn hơn trước như chùa Dư Hàng (Lê Chân), chùa Đổ (Ngô Quyền), chùa Trà Phương, chùa Nhân Trai (Kiến Thụy), chùa Đồng Quan (Vĩnh Bảo)...

Vùng đất Hải Phòng là một trong những nơi tiếp xúc sớm với các thương thuyền phương Tây nên đã có sự du nhập của Thiên chúa giáo.

Văn hóa dân gian phát triển nở rộ. Nghệ thuật múa rối cạn ra đời và phát triển ở làng tạc tượng Bảo Hà với nghệ thuật biểu diễn đặc sắc, gần gũi với đời sống của nhân dân. Đình Kiền Bái (Thủy Nguyên) là một trong những nơi lưu lại dấu ấn đậm nét về đời sống văn hóa thế kỉ XVII - XVIII. Đình được khởi dựng năm 1681 với điểm nổi bật là những phù điêu chạm khắc mang đậm chất dân gian. Bên cạnh những linh vật thường thấy ở các chốn linh thiêng (long, ly, quy, phượng) thì còn có những cảnh sắc dân gian như các con vật lợn, gà, chó, dê, voi ngựa vờn nhau...

Trong lĩnh vực giáo dục, với bề dày truyền thống hiếu học, các làng xã chú trọng xây dựng văn miếu, văn từ, văn chỉ⁽⁵⁾ để thờ và tôn vinh đạo học. Tiêu biểu là Văn miếu Xuân La (Kiến Thụy), Văn từ Hàng Kênh (Lê Chân), Văn từ An Lư (Thủy Nguyên)...

⁽⁵⁾ Văn miếu, văn từ, văn chỉ: là những công trình tôn thờ các bậc thánh hiền Nho giáo (Khổng Tử, Chu Văn An...), nhằm đề cao đạo học, khuyến khích việc học hành, khoa cử của địa phương.



▲ Hình 1.2. Một số chi tiết chạm khắc ở đình Kiền Bái, huyện Thủy Nguyên (Ảnh: Nguyễn Hoài Nam)



▲ Hình 1.3. Văn miếu Xuân La, huyện Kiến Thụy (Ảnh: Hội Khoa học Lịch sử Hải Phòng)

Thời Tây Sơn

Các chính sách về văn hóa giáo dục thể hiện rõ ý thức dân tộc. Chữ Nôm được đưa vào giáo dục, khoa cử. Vua Quang Trung ban chiếu Lập học lệnh cho các xã lập Nhà xã học, chọn người hay chữ và có đức hạnh làm thầy giáo.

Phật giáo tiếp tục phát triển. Trên vùng đất Hải Phòng có nhiều ngôi chùa được tôn tạo, đúc chuông, dựng bia. Tiêu biểu như chùa Đông Khê (Ngô Quyền) lưu giữ một quả chuông lớn đúc năm 1800, chùa Thái (Vĩnh Bảo) lưu giữ quả chuông đồng niên đại 1798, bia đá trong khuôn viên Từ đường Trạng nguyên Lê Ích Mộc (Thủy Nguyên) có niên đại 1793...



Trình bày tình hình văn hoá, giáo dục của vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802. Trong đó, em ấn tượng nhất với thành tựu nào? Vì sao?



Luyện tập

1. Điền thông tin còn thiếu vào các đoạn chấm (.....) trong sơ đồ sau:

Địa giới hành chính của vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802

Thời Mạc: vùng đất Hải Phòng thuộc..... - kinh đô thứ hai của nhà Mạc. Làng là trung tâm của

Thời.....: vùng đất Hải Phòng nằm trong phủ Kinh Môn, Nam Sách, Hạ Hồng thuộc Thừa tuyên..... Các đảo Cát Bà, Cát Hải, Bạch Long Vĩ thuộc thừa tuyên

Thời Tây Sơn: các huyện Thủy Đường, An Dương, An Lão, Nghi Dương được cắt chuyển về xứ

2. Nối thông tin ở cột A với thông tin ở cột B sao cho đúng:

A

1. Làng An Tử Hạ

2. Bạch Vân quốc ngữ thi tập

3. Đình Kiền Bái (Thủy Nguyên)

4. Cảng Đô-me (Domea)

5. Làng tạc tượng Bảo Hà

6. Nguyễn Bình Khiêm

B

a. hình thành từ thời Lê trung hưng, duy trì và phát triển đến ngày nay.

b. có tàu thuyền các nước Anh, Hà Lan, Bồ Đào Nha đến buôn bán từ thế kỉ XVII.

c. là trạng nguyên duy nhất của vùng đất Hải Phòng dưới thời nhà Mạc.

d. là một trong những nơi lưu lại dấu ấn đậm nét về đời sống văn hóa thế kỉ XVII - XVIII.

e. là tập thơ viết bằng chữ Nôm của Nguyễn Bình Khiêm.

g. có thuốc Lào từng được chọn làm vật phẩm tiến vua.



Vận dụng

Sưu tầm tư liệu và viết một bài giới thiệu về một thành tựu kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng đất Hải Phòng từ năm 1527 đến năm 1802 mà em ấn tượng nhất.



Chủ đề 2

VÙNG ĐẤT HẢI PHÒNG TỪ NĂM 1802 ĐẾN NĂM 1888

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Trình bày được địa giới hành chính, tình hình kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng đất Hải Phòng từ khi nhà Nguyễn thành lập đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ (1802 - 1872).
- Trình bày được sự biến động về địa giới hành chính, kinh tế - xã hội của vùng đất Hải Phòng từ khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ đến khi thành lập đơn vị hành chính thành phố Hải Phòng (1873 - 1888).
- Trân trọng những thành tựu kinh tế, văn hóa của vùng đất Hải Phòng trong gần một thế kỉ với nhiều biến động, đổi thay.



Mở đầu

Từ khi nhà Nguyễn thành lập đến trước khi thực dân Pháp xâm lược Bắc Kỳ (1802 - 1872), tình hình kinh tế - xã hội của vùng đất Hải Phòng không ổn định song vẫn là nơi cư dân các miền đến khai phá, lập nghiệp.

Từ năm 1873, vùng đất Hải Phòng bị thực dân Pháp chiếm đóng, trở thành địa bàn đầu tư tư bản, hội tụ dân cư, đặt nền móng cho việc hình thành đô thị - cảng biển Hải Phòng.



Kết nối với lịch sử dân tộc

Thế kỉ XIX là thế kỉ đã diễn ra nhiều biến động trong lịch sử dân tộc:

- Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập.
- Năm 1858, thực dân Pháp xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta kéo dài 26 năm nhưng không thành công.
- Năm 1884, Việt Nam trở thành thuộc địa của Pháp. Nhà Nguyễn vẫn còn tồn tại nhưng không có thực quyền.





Kiến thức mới

I. VÙNG ĐẤT HẢI PHÒNG TỪ NĂM 1802 ĐẾN NĂM 1872

1. Địa giới hành chính

Vùng đất Hải Phòng thuộc trấn Hải Dương (từ năm 1831 là tỉnh Hải Dương). Đơn vị hành chính dưới trấn (tỉnh) là phủ, huyện.

- Phần đất thuộc huyện Vĩnh Bảo ngày nay thuộc phủ Hạ Hồng.
- Phần đất thuộc huyện Tiên Lãng ngày nay thuộc phủ Nam Sách.
- Phần đất thuộc các quận, huyện ngày nay: Hồng Bàng, Lê Chân, Ngô Quyền, Hải An, Dương Kinh, Đồ Sơn, An Lão, Kiến An, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, An Dương thuộc phủ Kinh Môn.
- Các đảo Cát Hải, Cát Bà, Bạch Long Vĩ thuộc trấn Yên Quảng.
- Năm 1837, phủ Kiến Thụy được thành lập, gồm 4 huyện: An Dương, Nghi Dương, An Lão và Kim Thành. Năm 1838, huyện Vĩnh Bảo được thành lập trên cơ sở cắt một phần đất của 2 huyện: Tứ Kỳ và Vĩnh Lại.

2. Tình hình kinh tế

Nông nghiệp

Nhà Nguyễn thực hiện chính sách khai hoang. Vùng đất Hải Phòng có tiềm năng về đất đai, nhất là vùng ven biển nên chính sách khai hoang đã làm cho diện tích đất đai ít nhiều được mở rộng, nông nghiệp có bước phát triển nhất định. Tuy nhiên, thành tựu vẫn còn rất hạn chế.

Nhà nước có chính sách ruộng đất ưu đãi các quan lại. Trong khi đó, tình trạng vỡ đê, lụt lội, mất mùa diễn ra liên miên, nông dân không có ruộng đất phải phiêu bạt khắp nơi kiếm sống. Bức tranh chung của nông nghiệp vùng đất Hải Phòng là có nhiều năm mất mùa (1809, 1822, 1824, 1825, 1828, 1834, 1835, 1844, 1857, 1862), bên cạnh đó, cũng có những năm mùa màng bội thu (1846, 1848, 1849, 1853, 1863, 1868)⁽¹⁾.

Thủ công nghiệp

Mặc dù nhà Nguyễn có những chính sách cản trở sự phát triển của thủ công nghiệp và thương nghiệp nhưng trên cả nước nói chung, ở vùng đất Hải Phòng nói riêng, thủ công nghiệp vẫn tiếp tục có bước phát triển, số người làm nghề tăng.

Tiêu biểu là các nghề làm đồ gốm sứ, dệt vải, dệt chiếu, làm đồ vàng bạc, giấy viết, đường ăn, nghề mộc, rèn, đóng thuyền, đan lưới, đan mây tre, khai thác đá... Các làng nghề thủ công phân bố hầu khắp các huyện, sản phẩm dồi dào, chất lượng cao, tiêu biểu là làng Hội Am (nay thuộc xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo) có nghề dệt vải trắng khổ nhỏ nổi tiếng, làng Dư Đồng (nay thuộc thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng) có nghề dệt chiếu lâu đời...

⁽¹⁾Theo *Lịch sử Hải Phòng*, Tập 2, Chương VI, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2021, tr.315.



Việc trao đổi, buôn bán qua hệ thống chợ làng, chợ liên làng, chợ huyện, chợ phủ tiếp tục duy trì và phát triển. Nổi tiếng là chợ Đông Am (Vĩnh Bảo), chợ Mỹ Giang (Thủy Nguyên), chợ Cổ Trai (Kiến Thụy), chợ Gia Viên, chợ Đông Khê (Ngô Quyền), chợ Quy Ân (An Lão)...

Việc trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài suy giảm do nhà Nguyễn chủ trương “đóng cửa” không buôn bán với người phương Tây.

3. Tình hình văn hóa, giáo dục

Văn học dân gian với nhiều thể loại khác nhau, từ tục ngữ, phương ngôn⁽²⁾ đến ca dao, hát giặm⁽³⁾... phát triển.

Về giáo dục, nhà Nguyễn cố gắng tổ chức lại việc khoa cử. Khoa thi đầu tiên được tổ chức vào năm 1822, có 8 người đỗ Tiến sĩ⁽⁴⁾, năm 1829 lấy thêm học vị Phó bảng⁽⁵⁾. Tính đến năm 1851, nhà Nguyễn đã tổ chức 14 khoa thi lấy 136 Tiến sĩ và 87 Phó bảng. Vùng đất Hải Phòng có Lê Huy Thái (xã Cổ Am, huyện Vĩnh Bảo) đỗ Phó bảng năm 1846, Lê Khắc Cần (xã Thái Sơn, huyện An Lão) đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Hoàng giáp) năm 1862.



▲ Hình 2.1. Đền Nghè (Quận Lê Chân)
mang phong cách kiến trúc thời Nguyễn (Ảnh: Thanh Bình)



Trình bày địa giới hành chính, tình hình kinh tế, văn hóa và giáo dục của vùng đất Hải Phòng từ năm 1802 đến năm 1872.

⁽²⁾ Phương ngôn: theo nghĩa hẹp, là những câu tục ngữ được lưu hành trong một địa phương, một vùng, miền nhất định.

⁽³⁾ Hát giặm: lối hát dân gian, nhịp điệu dồn dập, lời dựa vào thơ năm chữ, hai câu cuối bao giờ cũng lặp lại về âm vận và cao độ.

⁽⁴⁾ Tiến sĩ: học vị trao cho người đỗ kì thi Hội (khoa thi ở trung ương do triều đình tổ chức) và thi Đình (khoa thi tiếp nối của thi Hội, nhà vua trực tiếp ra đề thi). Tiến sĩ triều Nguyễn đỗ chính thức được ghi tên ở bảng chính (Giáp tiến sĩ) và có 3 bậc: Đệ nhất giáp tiến sĩ (Tiến sĩ hạng nhất), Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ hạng hai, còn gọi là Hoàng giáp), Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (Tiến sĩ hạng ba).

⁽⁵⁾ Phó bảng: học vị trao cho người đỗ kì thi Hội dưới thời Nguyễn (áp dụng từ năm 1829 đến năm 1919), cũng là Tiến sĩ, đỗ khuyến khích, tên ghi ở bảng phụ (Ất tiến sĩ).



II. VÙNG ĐẤT HẢI PHÒNG TỪ NĂM 1873 ĐẾN NĂM 1888

1. Địa giới hành chính

Sau khi chiếm Nam Kỳ, năm 1873, quân Pháp tiến ra Bắc đánh chiếm vùng đất Ninh Hải bên sông Cấm (khu trung tâm thành phố hiện nay) thuộc tỉnh Hải Dương.

Với kế hoạch xây dựng khu vực Ninh Hải thành một đô thị - cảng biển, ngày 11-9-1887, Thống sứ Bắc Kỳ ra nghị định cắt một phần đất của tỉnh Hải Dương để thành lập tỉnh Hải Phòng. Tỉnh lỵ đặt tại Ninh Hải (khu vực Ủy ban nhân dân thành phố hiện nay).

Ngày 19-7-1888, Toàn quyền Đông Dương ra nghị định lập Hội đồng thành phố Hải Phòng, nằm trong tỉnh Hải Phòng, đánh dấu sự ra đời của thành phố Hải Phòng - đô thị loại I, như hai thành phố Sài Gòn và Hà Nội.

Ngày 01-10-1888, vua Đồng Khánh ra đạo dụ “nhượng” thành phố Hải Phòng cho thực dân Pháp. Về mặt hành chính, Hải Phòng là một nhượng địa⁽⁶⁾ trong lòng xứ bảo hộ⁽⁷⁾ Bắc Kỳ.



Kết nối với lịch sử dân tộc

Năm 1883, nhà Nguyễn kí với thực dân Pháp bản Hiệp ước Hác-măng. Đến năm 1884, kí tiếp bản Hiệp ước Pa-tơ-nốt. Theo đó:

- Nam Kỳ (gồm 6 tỉnh: Gia Định, Định Tường, Biên Hòa, Vĩnh Long, An Giang, Hà Tiên) là xứ thuộc địa.

- Trung Kỳ (từ Thanh Hóa đến Bình Thuận) do triều đình quản lí.

- Bắc Kỳ (từ Ninh Bình trở ra Bắc) là xứ bảo hộ.

Tuy cách gọi khác nhau nhưng thực chất toàn bộ Việt Nam đã đặt dưới ách đô hộ của thực dân Pháp.

2. Tình hình kinh tế - xã hội

Trước sức ép của người Pháp, triều đình Huế buộc phải kí Hiệp ước Giáp Tuất (15-3-1874) và Hiệp ước Thương mại (31-8-1874), chính thức hóa việc mở cửa bến Ninh Hải (Hải Phòng) cho các thương nhân Pháp và các nước tự do ra vào buôn bán. Năm 1875, thực dân Pháp xây dựng Nha Thương chính và ra đạo luật thuế quan bảo đảm sự độc quyền Cảng của họ.

Trong những năm 1876 - 1888, mặc dù Cảng Hải Phòng đang xây dựng nhưng tàu thuyền nước ngoài (Anh, Pháp, Trung Quốc, Mỹ, Đức, Hà Lan) ra vào buôn bán ngày càng nhộn nhịp.

Nhằm bảo vệ quyền lợi của Pháp ở Hải Phòng, thực dân Pháp đặt Lãnh sự quán (từ năm 1880), thành lập Phòng Thương mại Hải Phòng (1886), lập đồn binh, giành quyền thu thuế thuyền bè ra vào Cảng Ninh Hải.

Trước năm 1873, khu vực trung tâm thành phố Hải Phòng hiện nay về cơ bản vẫn là một vùng nông thôn với kinh tế nông nghiệp là chủ yếu. Từ năm 1874 đến năm 1888, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh chóng. Đây cũng là thời kì dần hình thành nên hai khu vực trung tâm của thành phố Hải Phòng sau này: khu vực của người địa phương, người Hoa và khu vực của người Pháp.

⁽⁶⁾ *Nhượng địa*: phần đất của một nước thuộc địa hoặc nửa thuộc địa buộc phải cắt nhường vĩnh viễn hoặc trong một thời hạn nhất định cho một nước đế quốc.

⁽⁷⁾ *Bảo hộ*: thực dân Pháp cai trị gián tiếp thông qua triều đình nhà Nguyễn.



Tại khu vực của người địa phương ở thượng lưu sông Tam Bạc (làng An Biên và một phần làng Hạ Lý), dân cư ngày càng đông đúc, việc buôn bán diễn ra hai bên bờ sông, dưới sông thuyền buôn đậu san sát. Ở khu vực của người Pháp (thành phố ven sông Cấm), quá trình đô thị hóa không chỉ diễn ra nhanh chóng mà còn được quy hoạch bài bản. Trụ sở chính quyền, dinh thự, nhà hàng, đường phố... được xây dựng, đặt nền móng cho sự hình thành một đô thị - cảng biển duy nhất ở Bắc Kỳ.

Quá trình đô thị hóa nhanh chóng ở Hải Phòng đã thu hút đông đảo cư dân từ các nơi đến làm ăn, sinh sống, dẫn đến sự hình thành những lực lượng xã hội mới. Người phương Tây, chủ yếu là người Pháp khá đông, có xu hướng ngày càng tăng thêm.



Kết nối với địa lí

Vùng cửa biển Ninh Hải (Hải Phòng) có một mạng lưới sông ngòi gồm các nhánh của sông Hồng, sông Thái Bình như sông Bạch Đằng, sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Văn Úc và các sông nhỏ hơn là chi lưu của các con sông này... khiến Hải Phòng trở thành cửa ngõ giao thông quan trọng của vùng đồng bằng Bắc Bộ. Vì vậy, người Pháp đã chọn Hải Phòng để xây dựng cảng biển.



▲ Hình 2.2. Trụ sở Phòng Thương mại Hải Phòng (tòa nhà phía bên phải)
(Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)

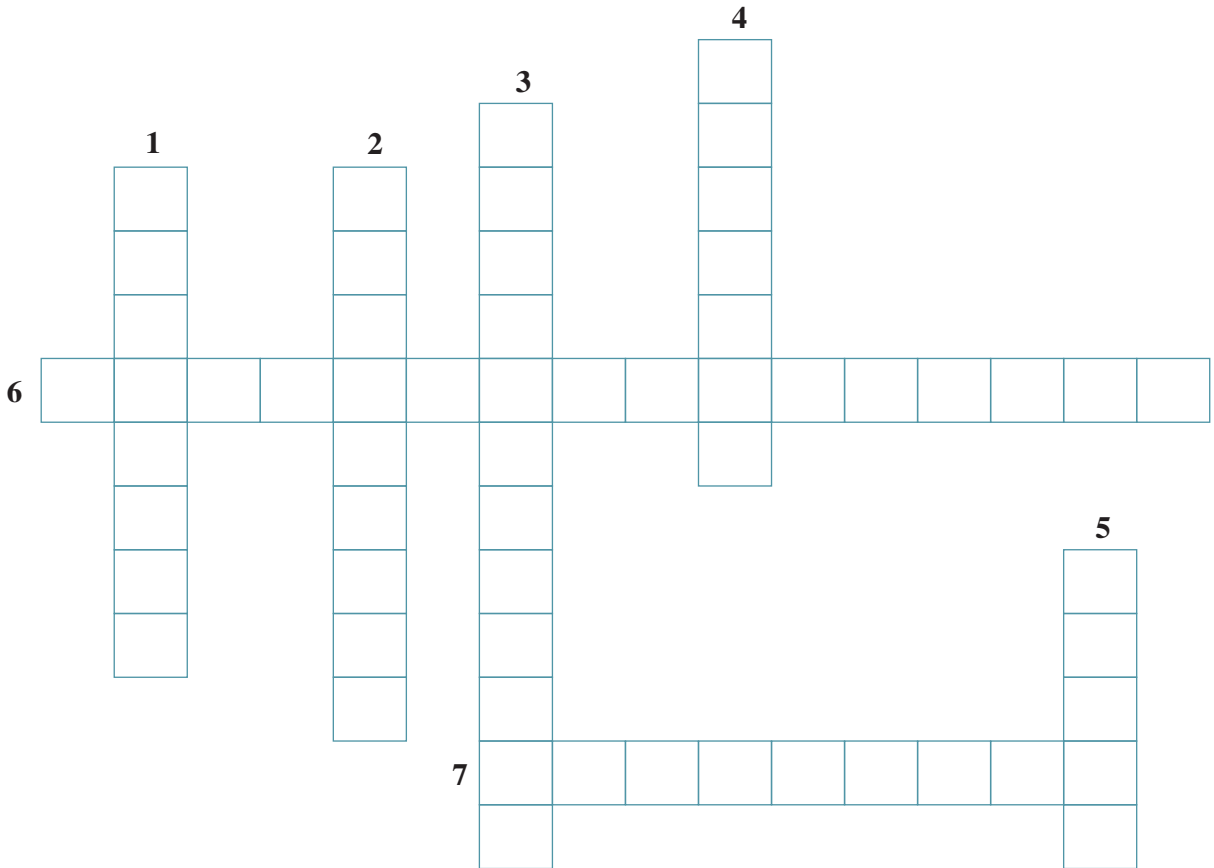


Cuộc xâm lược của thực dân Pháp đã dẫn đến sự biến động về địa giới hành chính, tình hình kinh tế - xã hội của vùng đất Hải Phòng từ năm 1873 đến năm 1888 như thế nào?



Luyện tập

Giải ô chữ



Hàng dọc số 1 (08 chữ cái): Từ năm 1874 đến năm 1888, về kinh tế - xã hội, ở Hải Phòng đã diễn ra quá trình gì?

Hàng dọc số 2 (09 chữ cái): Đây là tên của một nhân vật lịch sử ở xã Thái Sơn, huyện An Lão, đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân năm 1862.

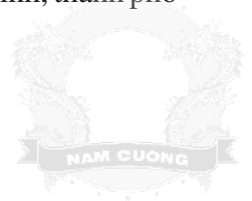
Hàng dọc số 3 (12 chữ cái): Từ năm 1802 đến năm 1872, vùng đất Hải Phòng thuộc đơn vị hành chính nào?

Hàng dọc số 4 (07 chữ cái): Đây là tên gọi của vùng bên sông Cấm bị thực dân Pháp đánh chiếm năm 1873.

Hàng dọc số 5 (05 chữ cái): Đây là tên của một làng nghề (nay thuộc xã Cao Minh, huyện Vĩnh Bảo) dưới thời nhà Nguyễn nổi tiếng về dệt vải trắng khổ nhỏ.

Hàng ngang số 6 (16 chữ cái): Nghị định ngày 19-7-1888 của Toàn quyền Đông Dương đã đánh dấu sự ra đời của đơn vị hành chính nào nằm trong tỉnh Hải Phòng?

Hàng ngang số 7 (09 chữ cái): Dưới chế độ cai trị của thực dân Pháp, về mặt hành chính, thành phố Hải Phòng mang tính chất gì?





Vận dụng

1. Lập bảng so sánh về địa giới hành chính, tình hình kinh tế, văn hóa, giáo dục của vùng đất Hải Phòng giai đoạn 1802 - 1888 với giai đoạn 1527 - 1802 theo gợi ý sau:

Nội dung	1527 - 1802	1802 - 1888
Địa giới hành chính		
Kinh tế		
Văn hóa, giáo dục		

2. Theo em, những nguyên nhân nào dẫn đến sự biến động, đổi thay của vùng đất Hải Phòng từ năm 1802 đến năm 1888?



Chủ đề 3

HẢI PHÒNG TỪ NĂM 1888 ĐẾN NĂM 1918

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được sự thay đổi về đơn vị hành chính của Hải Phòng từ năm 1888 đến năm 1918.
- Trình bày được chính sách cai trị của thực dân Pháp ở Hải Phòng, những chuyển biến về kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục của thành phố giai đoạn 1888 - 1918 và bước đầu giải thích được nguyên nhân dẫn đến những chuyển biến đó.
- Hiểu được bản chất cai trị, bóc lột của chế độ thực dân; có thái độ đúng đắn, khách quan đối với những chuyển biến của Hải Phòng trong giai đoạn này.



Mở đầu

Thành phố Hải Phòng, đô thị - cảng biển, được hình thành trong những thập niên cuối thế kỉ XIX. Hải Phòng là “nhượng địa” của Pháp nên chính quyền thực dân Pháp đặt ách đô hộ trực tiếp và thực hiện những chính sách cai trị thâm độc.

Cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, các nhà tư bản Pháp, Hoa và người Việt tập trung đầu tư xây dựng, mở mang Cảng, xây dựng nhà máy, xí nghiệp, làm đường bộ, đường sắt, sân bay, lập các hãng buôn, vận tải, ngân hàng, nhà hàng, khách sạn, trường học... Hải Phòng có sự chuyển biến sâu sắc trên mọi phương diện, có vị trí quan trọng, phục vụ công cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp.



Kết nối với lịch sử dân tộc

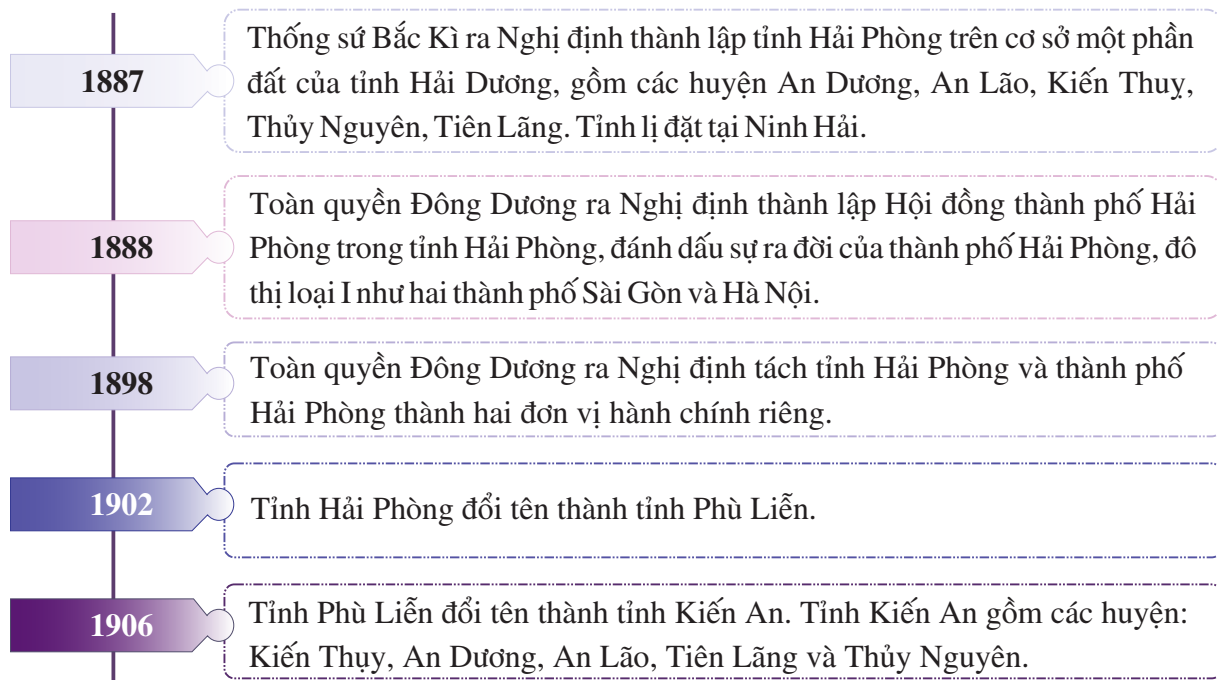
Năm 1897, sau khi hoàn thành bình định Việt Nam, thực dân Pháp bắt đầu tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914). Cuộc khai thác đã có nhiều tác động đối với kinh tế - xã hội Việt Nam.





Kiến thức mới

I. ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH



Đơn vị hành chính của Hải Phòng đã thay đổi như thế nào trong giai đoạn 1888 - 1918?

II. CHÍNH SÁCH CẢI TRỊ CỦA THỰC DÂN PHÁP Ở HẢI PHÒNG

Về chính trị, trước khi tỉnh Hải Phòng và thành phố Hải Phòng tách ra thành đơn vị hành chính riêng, các huyện vẫn nằm trong thiết chế quản lý của triều đình nhà Nguyễn, còn thành phố Hải Phòng là “nhượng địa” của Pháp nên thực dân Pháp thực hiện chế độ trực trị.

Thực dân Pháp đã từng bước thiết lập bộ máy cai trị gồm: Hội đồng thành phố, Phòng Thương mại, kho bạc, hải quan, quân đội, cảnh sát, tòa án và hệ thống nhà tù nhằm áp đặt sức mạnh tuyệt đối của Pháp ở các cấp và đàn áp sự phản kháng của nhân dân. Đứng đầu bộ máy chính quyền thành phố là viên Đốc lý người Pháp, kiêm Chủ tịch Hội đồng thành phố.

Về kinh tế, trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897 - 1914), vốn đầu tư của Pháp vào Hải Phòng tăng lên nhiều lần so với những năm 1888 - 1896, tập trung vào việc hoàn thiện và hiện đại hóa Cảng Hải Phòng, đầu tư vào xây dựng tuyến đường sắt và công nghiệp. Bên cạnh đó, thực dân Pháp thực hiện chính sách thuế khóa nặng nề, với nhiều loại thuế (thuế thân⁽¹⁾, thuế đất, thuế môn bài⁽²⁾...), triệt để bóc lột sức lao động qua việc thuê nhân công rẻ mạt.

⁽¹⁾Thuế thân: nghĩa trong bài là loại thuế thực dân Pháp định thành suất, nộp theo từng năm, đối với đàn ông từ 18 tuổi đến 60 tuổi (trừ những người làm trong bộ máy chính quyền và một số trường hợp được miễn khác).

⁽²⁾Thuế môn bài: thuế mà người kinh doanh phải nộp cho nhà nước để được phép kinh doanh.



Về xã hội, chính sách phân biệt đối xử thể hiện rõ ở việc ngăn cách giữa khu của người Việt (người Pháp gọi là “khu bản xứ”) và khu của người Pháp (“khu phố Tây”) bởi kênh đào Bon-nan (Bonnal - nay là hồ Tam Bạc và dải vườn hoa trung tâm thành phố). Ở khu của người Pháp, hàng loạt các công trình nhà cửa, dinh thự, công sở theo kiến trúc phương Tây được xây dựng như Tòa Đốc lý (nay là trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố), Trại lính (nay là trụ sở Bộ Tư lệnh Hải quân), đồn binh An Nam (cuối phố Lê Lai hiện nay), Nhà hát thành phố, Bưu điện trung tâm...

Về văn hóa, thực dân Pháp thi hành chính sách “ngu dân” để dễ cai trị. Các trường học chủ yếu dành cho con em người Pháp và các tầng lớp trên. Đa số người dân lao động không biết chữ.



▲ Hình 3.1. Tòa Đốc lý
(nay là trụ sở Ủy ban nhân dân thành phố)
(Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)



▲ Hình 3.2. Cầu Pôn Đu-me (Paul Doumer)
bắc qua kênh đào Bon-nan (nay là khu vực Quán Hoa)
(Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)



Từ năm 1888 đến năm 1918, thực dân Pháp đã thi hành chính sách cai trị đối với Hải Phòng như thế nào? Em có nhận xét gì về những chính sách đó?

III. NHỮNG CHUYỂN BIẾN VỀ KINH TẾ, XÃ HỘI, VĂN HÓA, GIÁO DỤC CỦA HẢI PHÒNG

1. Về kinh tế

Từ sau năm 1888, thành phố Hải Phòng có nhiều chuyển biến về diện mạo đô thị, giao thông, công nghiệp, thương mại, dịch vụ và nông nghiệp. Ở vùng nông thôn (tỉnh Phù Liễn - Kiến An), kinh tế nông nghiệp vẫn là chủ đạo nhưng bước đầu cũng chịu sự tác động của các hoạt động công - thương ở thành phố Hải Phòng.

Diện mạo
đô thị

Năm 1893, thành phố Hải Phòng đã có điện, nước máy, sớm hơn Hà Nội 2 năm. Đến cuối thế kỉ XIX - đầu thế kỉ XX, Hải Phòng đã có trên 30 đường phố và các công trình thiết yếu của một đô thị: trụ sở chính quyền, cơ sở kinh tế, văn hóa, khách sạn, nhà hàng, nhà ở, phố xá...

Giao thông

Với sự đầu tư cơ sở hạ tầng của tư bản Pháp, Hải Phòng đã trở thành đầu mối giao thông vận tải không chỉ của Bắc Kỳ mà còn của cả Bắc Đông Dương và vùng Hoa Nam, Trung Quốc. Đến đầu thế kỉ XX, Cảng Hải Phòng trở thành cảng lớn thứ hai ở Đông Dương (sau cảng Sài Gòn). Hải Phòng còn là đầu mối giao thông đường bộ (đường 5, đường 10), đường sắt (Hải Phòng - Hà Nội - Lào Cai - Vân Nam), đường không (sân bay khởi công năm 1912), đường sông kết nối với các địa phương trong nước và phía Nam Trung Quốc.

Công nghiệp

Ở Hải Phòng xuất hiện nhiều nhà máy mới trong cả hai lĩnh vực: công nghiệp nặng và công nghiệp nhẹ. Các nhà tư bản đầu tư nhiều vào cơ khí sửa chữa tàu thuyền, chế tạo và dịch vụ, như xưởng sửa chữa tàu kéo và sà lan của Công ty Sa-cơ-rich (SACRIC), Hãng cơ khí Đa-ni-en (Daniel), xưởng nấu Xà phòng (1893), Nhà máy Xi măng (1899), Nhà máy Sợi (1900)... Đặc biệt, ở Hải Phòng xuất hiện một số nhà tư sản tách ra kinh doanh độc lập sau một thời gian chung vốn với người Pháp, người Hoa hoặc những địa chủ, quan lại bỏ vốn kinh doanh công thương nghiệp. Tiêu biểu là Nguyễn Hữu Thu (lập công ty vận tải), Phạm Văn Mai và Phạm Kim Bổng (sử dụng máy song sản xuất trang thiết bị cứu hộ trên biển).

Thương mại, dịch vụ

Trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, đến năm 1891, Hải Phòng có 113 hiệu buôn và nhiều hãng buôn nước ngoài đặt trụ sở, chi nhánh. Đến năm 1896, Hải Phòng có 8 hãng xuất nhập khẩu, 12 đại lý hàng tiêu dùng và 2 hãng tàu biển (Đầu Ngựa, Năm Sao), 1 hãng tàu chạy ven biển, 2 công ty vận tải đường sông. Trong những năm 1900 - 1913, số tàu cập Cảng Hải Phòng tăng từ 314 chiếc (1900) lên 377 chiếc (1913).⁽³⁾ Số hàng hóa xuất, nhập khẩu qua Cảng Hải Phòng gia tăng theo tốc độ đầu tư của tư bản Pháp vào Bắc Kỳ.

Nông nghiệp

Bên cạnh sản xuất nông nghiệp vốn có ở các làng xã, các nhà tư sản, quan lại và địa chủ bước đầu kinh doanh đồn điền. Đến năm 1897, trên địa bàn nông thôn có 13 đồn điền của các điền chủ người Pháp và đến đầu thế kỉ XX có 23 đồn điền. Ruộng đất ngày càng tập trung vào tay tư bản Pháp và những người giàu có.

⁽³⁾ *Lịch sử Hải Phòng*, tập 3, chương II, NXB chính trị Quốc gia sự thật, 2021, tr.82.





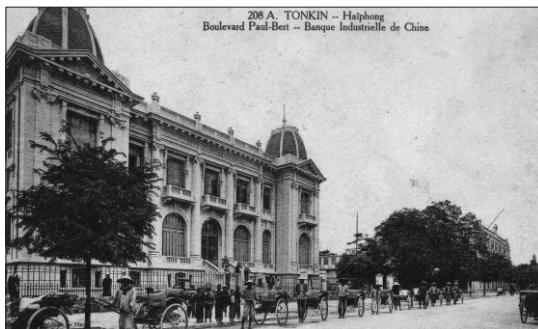
▲ Hình 3.3. Đại lộ Paul Bert
(nay là đường Điện Biên Phủ) (Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)



▲ Hình 3.4. Nhà hát thành phố đầu thế kỉ XX
(Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)



▲ Hình 3.5. Ga Hải Phòng đầu thế kỉ XX
(Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)



▲ Hình 3.6. Trụ sở Ngân hàng Pháp - Hoa
(nay là Bảo tàng Hải Phòng) (Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)

2. Về xã hội

Hải Phòng là thành phố lớn thứ ba ở Đông Dương, thu hút đông đảo cư dân và lao động khắp các vùng nông thôn Bắc Kỳ đến làm thợ, làm phu, buôn bán nhỏ. Vì vậy, dân số Hải Phòng tăng khá nhanh. Những năm 1888 - 1893, dân số Hải Phòng tăng gấp 4 lần giai đoạn 1880 - 1888. Trong những năm 1890 - 1902, dân số Hải Phòng dao động trong khoảng 10.000 đến 12.000 người⁽⁴⁾, đến năm 1913 là 55.811 người⁽⁵⁾.

Cơ cấu và thành phần dân cư mới ở đô thị gồm người Việt, Hoa, Âu - Phi, Ấn Độ, Nhật Bản... Người Việt sinh sống chủ yếu ở các làng xung quanh Đông Khê và Hàng Kênh, hay trong các khu phố công nghiệp An Dương, Hạ Lý, Lối Dương và Bính Động (Thủy Nguyên). Người Hoa sống chủ yếu quanh cảng sông, ở hữu ngạn sông Tam Bạc và đầu kênh Bon-nan. Cộng đồng người châu Âu số lượng không lớn (năm 1902 có 950 người, năm 1913 là 1.822 người), sống tập trung ở những khu phố sang trọng nhất của thành phố, giữa sông Cấm và kênh Bon-nan.

Cơ cấu dân cư bắt đầu có sự phân hóa:

Các giai cấp cũ

- * Giai cấp địa chủ phong kiến tập trung ở vùng nông thôn trở thành chỗ dựa cho nền thống trị của chính quyền thực dân.
- * Giai cấp nông dân chiếm phần đông nhưng do chính sách bóc lột của thực dân, phong kiến nên ngày càng bị bần cùng hóa, một bộ phận phải ra thành phố kiếm việc làm.

⁽⁴⁾Sdd, Tập 3, Chương I, tr.32.

⁽⁵⁾Sdd, Tập 3, Chương II, tr.96.

Sự ra đời của các giai cấp, tầng lớp mới

* Hải Phòng là một trong những cái nôi ra đời của giai cấp công nhân Việt Nam. Đội ngũ công nhân Hải Phòng xuất thân từ nông dân, thợ thủ công tỉnh Kiến An và các tỉnh đồng bằng sông Hồng, bị bắn cùng hóa, phá sản đến đây tìm kiếm việc làm trong các nhà máy, xí nghiệp. Do nhu cầu của sản xuất công nghiệp, nhìn chung họ được đào tạo nghề và một số được đào tạo thành công nhân kỹ thuật. Công nhân Hải Phòng đã tiến hành đấu tranh chống tư bản áp bức, bóc lột từ rất sớm, vào các năm 1902, 1905, 1912...

* Tầng lớp tư sản⁽⁶⁾ có một bộ phận (đa số là người Hoa) câu kết với thực dân Pháp trong công cuộc khai thác và bóc lột thuộc địa. Những năm 1914 - 1918 đánh dấu sự ra đời và trở dậy của tư sản dân tộc ở Hải Phòng, với các đại diện tiêu biểu là Bạch Thái Bưởi, Nguyễn Sơn Hà... Tuy nhiên, tư sản dân tộc nhỏ bé về kinh tế, non yếu về chính trị, lại bị tư sản Pháp - Hoa chèn ép nên dần đi vào con đường phá sản những năm sau đó.

* Tầng lớp tiểu tư sản⁽⁷⁾ thành thị khá đông đảo với nhiều bộ phận: viên chức, giáo viên, học sinh, thợ thủ công, dân nghèo thành thị, những người buôn bán nhỏ và những người làm nghề tự do. Đời sống của họ khó khăn do thuế nặng, giá cả sinh hoạt đắt đỏ và tăng nhanh.



▲ Hình 3.7.

Nhà ở của công nhân Nhà máy Xi măng Hải Phòng
(Ảnh: Bảo tàng Hải Phòng)

3. Về văn hóa, giáo dục

Văn hóa Pháp thể hiện trong các kiến trúc dinh thự, biệt thự, nhà ở, tập trung ở khu phố Tây (khu của người Pháp, giữa sông Cấm và kênh Bon-nan).

Cộng đồng người Việt vẫn giữ bản sắc văn hóa dân tộc với đời sống tôn giáo, tín ngưỡng và lễ hội truyền thống. Về tôn giáo, ở Hải Phòng, Phật giáo chiếm ưu thế hơn cả. Về tín ngưỡng, ở Hải Phòng, nổi bật nhất là tín ngưỡng thờ Đức vương Ngô Quyền, thờ Nữ tướng Lê Chân, tín ngưỡng thờ mẫu và tín ngưỡng thờ Đức Thánh Trần. Trong sinh hoạt lễ hội, ngoài những lễ hội truyền thống của các làng xã được duy trì, Hải Phòng có Lễ hội Chọi trâu Đồ Sơn nổi tiếng, phản ánh tục thờ thủy thần (trâu nước) của cư dân ven biển.

⁽⁶⁾Tư sản: những người chiếm hữu các tư liệu sản xuất chủ yếu, sống và làm giàu bằng cách bóc lột lao động làm thuê.

⁽⁷⁾Tiểu tư sản: những người sản xuất nhỏ, có tư liệu sản xuất riêng và không bóc lột người khác.



Lối sống và tư tưởng của tầng lớp tiểu tư sản, học sinh, trí thức ở Hải Phòng thời kì này có sự giao thoa giữa văn hóa truyền thống với văn hóa Pháp. Lối sống thành thị đã bắt đầu hình thành rõ nét, biểu hiện qua việc ăn, mặc, ở, phương tiện đi lại và ứng xử.

Về giáo dục, chính quyền thực dân mở trường dạy học cho con em người Âu, chủ yếu là người Pháp. Các trường chủ yếu là bậc tiểu học, vài lớp cao đẳng tiểu học và bậc thành chung (tương đương cấp trung học cơ sở hiện nay). Ra đời sớm và có danh tiếng nhất trong hệ thống trường học Pháp - Việt là trường Bonnal (nay là trường THPT Ngô Quyền). Hải Phòng cũng sớm có trường đào tạo nghề, cung cấp nguồn nhân lực cho các nhà máy, xí nghiệp, tiêu biểu là Trường Kỹ nghệ thực hành, thành lập năm 1904.

Nền giáo dục dưới thời thuộc địa đã góp phần vào việc hình thành tầng lớp tiểu tư sản trí thức ở thành phố Hải Phòng. Học sinh, sinh viên, trí thức Hải Phòng sớm trở thành một lực lượng tham gia vào các phong trào đấu tranh cách mạng.



Từ năm 1888 đến năm 1918, tình hình kinh tế, xã hội, văn hóa và giáo dục ở Hải Phòng có những chuyển biến như thế nào? Nguyên nhân dẫn đến chuyển biến đó là gì?



Kết nối với ngày nay

Nhiều công trình do người Pháp xây dựng ở Hải Phòng trong giai đoạn 1888 - 1918 đến nay hầu như vẫn còn nguyên vẹn: Nhà hát thành phố, Ga Hải Phòng, Bảo tàng Hải Phòng, Bưu điện trung tâm, Nhà đồng hồ ba chuông (nay là trụ sở Sở Văn hóa và Thể thao)... khiến cho kiến trúc của thành phố Cảng hiện nay có sự pha trộn hài hòa giữa hai nền văn hóa Á - Âu.



▲ Hình 3.8. Nhà hát thành phố
(ảnh chụp năm 2020) (Ảnh: Đỗ Trọng Luân)



Luyện tập

Vẽ sơ đồ khái quát về sự thay đổi đơn vị hành chính, chính sách cai trị của thực dân Pháp và những chuyển biến kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục ở Hải Phòng từ năm 1888 đến năm 1918.



Vận dụng

Em hãy chọn một trong những nhiệm vụ sau đây để thực hiện:

1. Sưu tầm bản đồ, tranh ảnh về Hải Phòng giai đoạn 1888 - 1918 và trình bày sản phẩm theo cách của em (tập san, đoạn phim...)
2. Đóng vai hướng dẫn viên du lịch, em hãy giới thiệu về một công trình kiến trúc ở Hải Phòng xây dựng trong giai đoạn 1888 - 1918 vẫn tồn tại đến hiện nay.



Chủ đề

4

TÌM HIỂU VỀ CA TRÙ ĐÔNG MÔN THỦY NGUYÊN - HẢI PHÒNG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết đặc điểm chính và hình thức của những nhạc cụ trong diễn xướng Ca trù nói chung, Ca trù Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng nói riêng.
- Nêu được một số nét về giáo phường Ca trù Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.
- Nêu được cái hay, cái đẹp và sự độc đáo, đặc sắc trong diễn xướng Ca trù.
- Thực hành tập hát một câu Ca trù.
- Trình bày được các hoạt động bảo tồn, phát huy những giá trị của Ca trù Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng và trách nhiệm của học sinh trong việc gìn giữ, phát triển nghệ thuật Ca trù.



Mở đầu

1. Em đã được nghe hoặc xem hát Ca trù chưa? Ở đâu?
2. Nghe hoặc xem video trích đoạn Ca trù *Hồng Hồng Tuyết Tuyết* và cho biết: cây đàn trong diễn xướng ca trù có điểm gì đặc biệt?



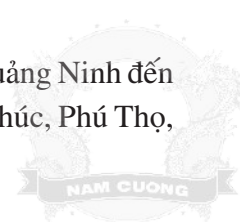
Kiến thức mới

I. VÀI NÉT VỀ CA TRÙ VIỆT NAM VÀ CA TRÙ ĐÔNG MÔN

Ca trù là một thể loại âm nhạc truyền thống độc đáo và đặc sắc, gắn liền với lễ hội, phong tục tập quán, tín ngưỡng, thơ văn dân gian và thơ văn bác học của Việt Nam. Vào hồi 10 giờ 45 phút (tức 14 giờ 45 phút giờ Việt Nam) ngày 01-10-2009 tại Abu Dhabi, Tiểu Vương Quốc Ả Rập thống nhất, ca trù của Việt Nam chính thức được Tổ chức Văn hoá Khoa học Giáo dục Liên Hiệp Quốc (UNESCO) ghi danh vào danh sách Di sản văn hoá phi vật thể cần được bảo vệ khẩn cấp.

Trong *Đại Việt sử ký toàn thư* - Bộ Quốc sử được ấn hành đầu tiên ghi một hình thức diễn xướng với người hát là Đào nương (Ả đào) đã có từ thời nhà Lý, sau đó đến thời nhà Lê có tên là Ca trù. Tùy theo địa điểm, không gian diễn xướng Ca trù còn có tên gọi là hát Cửa đình, hát Nhà tơ, Hát gỗ, hát Cô đầu,...

Diễn xướng Ca trù có ở 17 tỉnh, thành phố nước ta, dọc theo miền ven biển từ Quảng Ninh đến Quảng Bình, từ các tỉnh trung du đến các tỉnh vùng đồng bằng Bắc Bộ như: Vĩnh Phúc, Phú Thọ,



Hưng Yên, Hải Dương,...

Hải Phòng là nơi có diễn xướng Ca trù từ lâu đời. Hiện nay, ở thành phố Hải Phòng có nhiều giáo phường Ca trù hoạt động theo hình thức câu lạc bộ, trong đó có Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn. Làng Đông Môn, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng có Phủ Từ thờ tổ nghề Ca trù từ hàng trăm năm nay. Ngày xưa, giáo phường Ca trù Đông Môn lớn nhất nhì vùng đồng bằng Bắc Bộ. Ngày nay, Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn vang danh với các tên tuổi đào nương như: Tô Thị Chè, Tô Thị Ninh, Đỗ Quyên, Thu Hằng, Hải Phương,...; với các kép đàn như: Hoàng Khoa và Tô Văn Tuyên,...

Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn có nhiều thế hệ tham gia ca hát, học sinh Tiểu học và Trung học cơ sở là những thành viên tích cực của Câu lạc bộ.



1. Ca trù còn có những tên gọi nào khác?

2. Nêu một số nét chính về giáo phường Ca trù Đông Môn, Thủy Nguyên, Hải Phòng.

II. DIỄN XƯỚNG CA TRÙ

Ca trù có nhiều hình thức diễn xướng nằm trong sinh hoạt văn hóa của cộng đồng làng xã như: hát thờ, hát thi, hát tế, hát chơi,... Diễn xướng Ca trù không những đóng góp vào sinh hoạt văn hóa tinh thần của cộng đồng làng xã, của giới trí thức địa phương mà còn đóng góp vào hoạt động lễ tiết ngoại giao của nhà nước phong kiến.

Trong diễn xướng Ca trù, nữ gọi là đào nương hay ca nương, ngồi ở giữa một chiếc chiếu cạp điều, hai chân khoanh tròn, lưng thẳng, mắt nhìn thẳng phía trước, ánh mắt, nét mặt dịu dàng, hai tay cầm thanh phách gõ vào bàn phách đệm nhịp cho mỗi câu hát! Ngồi bên phải đào nương là người đánh trống chầu, gọi là quan viên. Mỗi khi nghe tiếng hát của đào nương, tiếng đàn của đàn kép, quan viên lại điểm một, hai tiếng trống khen thưởng! Bên trái đào nương là một người đàn ông chơi đàn đệm cho hát và múa trong diễn xướng Ca trù, gọi là kép đàn.

Khi hát, miệng đào nương không mở to, âm thanh không bay ra ngoài mà âm vang trong cổ với những tiếng ứ hự ngân rung ngắt quãng. Đây là đặc trưng của lối hát Ca trù. Lời ca trong Ca trù là những bài thơ, bài văn dân gian và bác học tả cảnh, tả tình vừa khái quát, vừa súc tích.

Múa trong diễn xướng Ca trù thường gồm tám đến mười cô gái. Khi diễn xướng những bài Bỏ bộ, các cô gái múa minh họa cho câu hát của đào nương.



▲ Hình 4.1. Diễn xướng Ca trù



Người ngồi nghe hát ngồi ở bên phải, bên trái và phía trước chiếu hát. Khi quan viên đánh trống thường, người nghe lại tung một thẻ tre thường cho đào nương và kép đàn. Trong Ca trù, chữ *trù* là thẻ tre, quy ước số tiền thưởng, chữ ca là *hát* nên *Ca trù* còn gọi là *Hát thẻ*.



1. Hãy mô tả về vị trí của những người tham gia diễn xướng Ca trù.
2. Tư thế và khẩu hình (hình dáng miệng) của đào nương khi hát Ca trù như thế nào?
3. Vì sao Ca trù còn có tên là *Hát thẻ*?

 **Nghe và nêu cảm nhận về điệu hát Nói.**

III. NHẠC CỤ TRONG DIỄN XƯỚNG CA TRÙ

Tham gia diễn xướng Ca trù có 4 nhạc cụ: đàn đáy, cổ phách, cặp sênh và trống châu. Đây là các nhạc cụ cơ bản để đệm cho đào nương hát, múa. Không có đàn đáy, không có cổ phách thì không thể có âm hưởng Ca trù. Âm hưởng đặc sắc của Ca trù chỉ sinh ra khi có sự tham gia của hai nhạc cụ có tính chuyên biệt này.

1. Đàn đáy

 *Nghe tiếng đàn đáy*

Đàn đáy có tên gốc là đàn không đáy. Đàn đáy có hình dáng đặc biệt: hộp đàn hình thang, không bịt đáy, cần đàn dài, dây đàn xưa kia là dây tơ, nay là dây cước. Các phím rất cao, dây mắc hơi chùng để diễn tấu những nốt nhạc có nhiều luyến láy, nhấn nhá. Âm thanh đàn đáy ồm ồm, trầm mặc.



▲ Hình 4.2. Đàn đáy



Xem tranh và mô tả hình dáng của đàn đáy.



2. Cổ phách

Cổ phách trong diễn xướng Ca trù gồm bàn phách, một lá phách đơn có một đầu to, một đầu nhỏ, một lá phách kép ở phần trên của phách liền nhau, từ giữa phách tách thành hai phần. Phách được ví như giọng hát thứ hai của ca nương. Tiếng phách khi thì rộn ràng, dồn dập như tiếng mưa rơi dào dạt, lúc lại thũng thảng, nhẹ nhàng, khoan thai như tiếng gió nhẹ vờn bay. Tiếng phách và tiếng đàn đáy hòa cùng tiếng hát đào nương tạo nên những âm thanh kỳ ảo, huyền diệu vô cùng hấp dẫn người nghe hát Ca trù.



▲ Hình 4.3. Cổ phách

3. Trống châu

 *Nghe tiếng trống châu trong diễn xướng Ca trù*

Trống châu trong diễn xướng Ca trù gần giống với trống đế trong diễn xướng Chèo, nhưng có kích thước lớn hơn một chút, âm thanh trống ấm và đục hơn. Dùi trống làm bằng gỗ dài khoảng 25 - 30 cm, gọi là roi châu. Quan viên - người đánh trống châu gõ mạnh roi châu xuống mặt trống tạo ra âm sắc đặc biệt vừa cao sang, vừa mạnh mẽ, quyết đoán, uy lực để thưởng phạt đúng, sai cho đào nương, kép đàn.



▲ Hình 4.4. Trống châu



Xem hình ảnh trống đế trong Chèo và nhận xét về sự giống và khác nhau giữa trống đế và trống châu trong Ca trù.



▲ Hình 4.5. Trống đế

 *Nghe, phân biệt giữa tiếng trống châu trong diễn xướng Ca trù với tiếng trống đế trong diễn xướng Chèo*



Luyện tập

1. Nghe hoặc xem một clip ngắn diễn xướng Ca trù của nghệ nhân Câu lạc bộ Ca trù Đông Môn, cùng bạn thảo luận và nhận xét về cách hát trong diễn xướng Ca trù.
2. Em sẽ làm gì để giữ gìn và phát triển nghệ thuật Ca trù?



Vận dụng

Tìm hiểu và thiết kế một bài powerpoint để giới thiệu về nghệ thuật Ca trù và một số nghệ nhân Ca trù tiêu biểu ở quê hương Hải Phòng.



Chủ đề 5

MÚA RỐI CẠN BẢO HÀ

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được một số yếu tố đặc sắc của nghệ thuật múa rối truyền thống ở làng cổ Bảo Hà, huyện Vĩnh Bảo.
- Có ý thức trân trọng, tự hào, giữ gìn truyền thống văn hóa của quê hương



Mở đầu

Nằm ở phía Tây Nam của thành phố Hải Phòng, làng Bảo Hà, xã Đồng Minh, huyện Vĩnh Bảo là ngôi làng nổi tiếng với nghề tạc tượng từ thế kỷ XV. Nơi đây cũng là nơi có phường rối cạn trên 500 năm tuổi với nghệ thuật biểu diễn rất đặc sắc. Nói về ngôi làng Việt cổ này, cư dân địa phương có bài ca dao mời gọi đắm thắm, da diết:

Ai qua Vĩnh Lại

Nhớ tới Bảo Hà

Vào chùa xem tượng mới tô

Thăm đền Tổ phụ thăm từ Linh Lang



Kiến thức mới

I. LÀNG BẢO HÀ - CÁI NÔI CỦA NGHỀ TẠC TƯỢNG VÀ RỐI CẠN VIỆT NAM

Làng tạc tượng Bảo Hà được coi là cái nôi của nghề tạc tượng Việt Nam. Theo truyền thuyết được lưu truyền thì làng nghề Bảo Hà hình thành vào cuối thế kỷ thứ XV, gắn với công mở làng nghề của Nguyễn Công Huệ - người được coi là tổ sư nghề tạc tượng, điêu khắc của làng. Từ thời kỳ phong kiến, nghề tạc tượng Bảo Hà đã nổi tiếng khắp xứ Đông, có nhiều nghệ nhân giỏi



▲ Hình 5.1. Miếu Bảo Hà (Ảnh: Minh Tâm)

được triều đình trọng dụng. Tiêu biểu là nghệ nhân Tô Phú Vượng, người đã từng tạc ngai vàng cho vua. Ông được vua Lê Hiển Tông (1717-1786) phong là *Kỳ tài hầu* (vị hầu tước có tài năng đặc biệt).

Hơn 500 năm nay, Bảo Hà vẫn được gọi là làng chuyên *thổi hồn* cho tượng các đình, chùa miền Bắc và lưu giữ nghề múa rối cạn đặc sắc. Hiện tại, ngoài bức tượng tổ nghề rất nổi tiếng, làng vẫn còn giữ được bức tượng Linh Lang có thể đứng lên ngồi xuống được. Thế hệ cháu con sau này vẫn tiếp tục phát huy nghề tổ truyền và có những tác phẩm nổi tiếng, tiêu biểu là tác phẩm tượng Phật Bà 24 tay của nghệ nhân Đào Văn Đạm đã đoạt Huy chương vàng tại hội chợ Lai Xích (CHDC Đức) năm 1977.

Sự phát triển của nghề tạc tượng và điêu khắc gỗ nơi đây là cơ sở đầu tiên giúp cho nghệ thuật rối cạn Bảo Hà ra đời rồi trở thành một trong ba phường rối cạn cổ truyền đặc sắc ở Việt Nam, cùng với Rối Thảm Rộc (Thái Nguyên) và Rối Ồi Lỗi (Nam Định).



▲ Hình 5.2. Tượng Linh Lang
(Ảnh: Nguyễn Đình Minh)

II. NGHỆ THUẬT MÚA RỐI CẠN BẢO HÀ

Nghệ thuật chế tác con rối

Từ xưa, những con rối Bảo Hà thường được tạo bằng gỗ cây chè (loại cây được trồng phổ biến ở làng Bảo Hà). Để làm ra một con rối, người thợ phải trải qua nhiều bước, ban đầu là tạc thô để tạo dáng, tạo khuôn mặt, đeo tay con rối, dùng than xoan (đốt gỗ cây xoan) tán nhỏ, trộn tóc rối để mài cho nhẵn. Tiếp theo là khâu sơn sản phẩm, công đoạn này dành cho những nghệ nhân có bàn tay tài hoa và kiên trì, vì xưa kia phải sơn tới 8 lớp, có những chi tiết phải thếp bạc và đều phải chọn khi thời tiết khô hanh mới làm được. Sau cùng là hoá trang và may quần áo cho con rối.

Chú ý cách thức để chế tác ra con rối: tạo khuôn mặt, đeo tay con rối...

Nét đặc sắc ở nghệ thuật tạo hình rối Bảo Hà là các nghệ nhân tạo con rối (là người) chỉ có bán thân, nửa dưới được che phủ bởi quần áo. Phần trên tượng rối, các cánh tay được kết nối bằng que trụ (còn gọi là *que trong*). Cánh tay này có thể cử động được ở ba khớp (khớp nách, khớp khuỷu tay và khớp cổ tay).



▲ Hình 5.3. Con rối ở làng Bảo Hà
(Ảnh: Trần Thị Giang)

Ở hai bàn tay, người ta nối hai que nhỏ để điều khiển sự cử động của đôi tay. Như vậy chỉ cần điều khiển que trụ là con rối có thể hoạt động uyển chuyển, linh hoạt theo ý muốn của người biểu diễn.



Nghệ thuật biểu diễn rối cạn

Không như sân khấu rối nước, sân khấu diễn của rối cạn Bảo Hà có thể là trên sân đình, bãi cỏ... Nghệ sĩ biểu diễn đứng sau một tấm màn tre, dùng các đạo cụ như que, dây để điều khiển con rối thực hiện các tích trò, con rối có thể đi lại hoặc bay trong không gian sân khấu. Do đó, suốt quá trình biểu diễn, nghệ sĩ vừa thấy con rối của mình hoạt động trước mắt, vừa đón nhận được những cảm xúc của người xem.

Em hình dung như thế nào về không gian sân khấu biểu diễn rối cạn Bảo Hà?

Phần lớn các tích trò thường dùng hội thoại nhân vật kết hợp với lời bài hát theo làn điệu chèo, ca trù (sau này, ở một số vở diễn có sử dụng nhân vật *anh Loa*, giống như chú Tễu trong rối nước) để dẫn trò. Các làn điệu dân ca này cũng chính là phần âm nhạc phối hợp với hội thoại nhân vật trong suốt vở diễn.

Nội dung và nhân vật trong các vở diễn lấy từ các truyện cổ tích, thần thoại... hoặc chim muông, hoa cỏ và các nhân vật trong cuộc sống đời thường. Qua tài năng của những nghệ sĩ điều khiển, con rối trở nên sinh động, có hồn và nhờ đó các tích trò trên sân khấu được tái hiện như trong đời sống thật.

Các vở diễn của phường rối cạn Bảo Hà đã để lại những ấn tượng sâu đậm với nhiều thế hệ người xem ở nhiều vùng miền đất nước. Đó là trích đoạn *Đôi ngọc lưu ly* lấy từ tích truyện cổ *Trương Viên*, trích đoạn *Trò tứ linh*, trích đoạn *Hội làng*... Tại các Liên hoan Múa rối toàn quốc và quốc tế, rối Bảo Hà đoạt nhiều Huy chương các loại trong đó có giải đặc biệt của Quỹ phát triển Văn hóa Việt Nam - Thụy Điển năm 1994.

Hình thành trên mảnh đất giàu truyền thống, nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà đã gắn bó chặt chẽ với những hình thức sinh hoạt tinh thần quen thuộc của người dân nơi đây. Hiện nay, làng Bảo Hà là một điểm đến hấp dẫn trong chương trình *Du khảo đồng quê* của khách du lịch khi đến thành phố Hải Phòng. Hàng năm, vào ngày hội của làng (13/3 âm lịch), những người thợ và cư dân làng Bảo Hà vẫn tổ chức cúng tế vị tổ nghề tạc tượng và điêu khắc gỗ Nguyễn Công Huệ tại miếu Bảo Hà.





1. Tại sao nói làng nghề Bảo Hà là làng nghề cổ truyền? Hãy kể tên những nhân vật và sản phẩm nổi tiếng gắn liền với quá trình phát triển của làng nghề?
2. Các nghệ nhân đã chế tạo con rối theo những công đoạn nào? Nét đặc sắc trong nghệ thuật tạo hình rối Bảo Hà là gì?
3. Dựa vào mục 2, em hãy giới thiệu với bạn một số nét đặc sắc trong nghệ thuật biểu diễn rối cạn Bảo Hà.



Luyện tập

Đọc lại văn bản và điền các thông tin cơ bản vào phiếu học tập sau:

PHIẾU TÌM Ý

Tóm lược nội dung chủ đề:

Nét đặc sắc trong nghệ thuật chế tác con rối Bảo Hà:

Nét đặc sắc trong nghệ thuật biểu diễn rối Bảo Hà:

Cảm xúc đặc biệt hoặc những quan sát, phát hiện thú vị của em sau khi học xong chủ đề này:



Vận dụng

Em hãy giới thiệu về nghệ thuật múa rối cạn Bảo Hà bằng một trong các phương thức sau:

1. Sân khấu hóa một trích đoạn rối cạn Bảo Hà mà em yêu thích
2. Thiết kế một trang Web để quảng bá nét đẹp của nghệ thuật rối cạn Bảo Hà.



Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nhận biết được một số nét đặc sắc về nội dung, hình thức nghệ thuật thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm.
- Nhận biết và phân tích được nét độc đáo của bài thơ Nôm số 3 qua: vần, nhịp, từ ngữ, biện pháp tu từ...
- Nhận biết và phân tích được tình cảm, cảm xúc, cảm hứng chủ đạo của nhà thơ được thể hiện qua văn bản.
- Có ý thức trân trọng, giữ gìn giá trị thơ ca của Nguyễn Bình Khiêm.



Mở đầu

Vĩnh Bảo - miền quê đã đi vào sử sách với danh xưng địa linh nhân kiệt, là vùng đất đã sinh ra nhiều bảng nhãn, thám hoa, tiến sĩ trong các triều đại phong kiến Việt Nam, trong đó có Danh nhân văn hóa Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm. Trong chủ đề này, chúng ta sẽ tìm hiểu về thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm để từ đó ta càng thêm yêu mến, trân trọng hơn tài năng và những giá trị thơ ca mà Nguyễn Bình Khiêm để lại.



Kiến thức mới

I. THƠ NÔM NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm (1491-1585) tên húy là Văn Đạt, tự là Hanh Phủ, sinh ở làng Trung Am huyện Vĩnh Lại (nay là huyện Vĩnh Bảo thành phố Hải Phòng). Sau khi đậu Trạng nguyên khoa thi Ất Mùi (1535) và làm quan dưới triều Mạc, ông được phong tước Trình Tuyền hầu rồi thăng tới Trình Quốc công. Di sản của Nguyễn Bình Khiêm để lại khá đồ sộ, phong phú ở nhiều lĩnh vực. Riêng sáng tác thơ có hàng ngàn bài trong hai tập *Bạch Vân am thi tập* (chữ Hán) và *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* (chữ Nôm).

Thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm được tập hợp trong *Bạch Vân quốc ngữ thi tập*. Đây là những thi phẩm được tác giả viết chủ yếu trong thời gian ở ẩn tại quê nhà. Các bài thơ trong tập thơ không đặt nhan đề, chỉ ghi số thứ tự từng bài. Tất cả được viết theo thể thơ Đường luật thất ngôn xen lục ngôn.

1. Nội dung chính trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm

Chủ đề lớn nhất trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm là chủ đề thế sự.

Với chủ đề này, tác giả đã phản ánh nhiều vấn đề của cuộc sống đương thời. Đó là thói đời đen bạc, là mọi mối quan hệ bị lệ thuộc bởi cái giàu, cái khó:

Ở thế mới hay người bạc ác

Giàu thì tìm đến, khó tìm lui

(Bài 77)

Cũng từ đó, tác giả đã đúc rút được những bài học mang tính triết lý nhân sinh sâu sắc:

Khôn mà hiểm độc là khôn đại

Dại vốn hiền lành ấy đại khôn

(Bài 102)

Trong một số sáng tác khác, Nguyễn Bình Khiêm đã thể hiện sự quan tâm sâu sắc với chính sự, thời cuộc:

Nước non nào phải của ai đâu,

Nhiều, ít, công, tư, mặc dầu!

(Bài 31)

Đó còn là khát vọng cao đẹp được cống hiến cho một vương triều vua sáng, tôi hiền:

Đã ngoài mọi sự, chẳng còn ước,

Ước một tôi hiền, chúa thánh minh

(Bài 29)

Trong các sáng tác của Nguyễn Bình Khiêm, ta thấy tác giả luôn làm chủ danh lợi vô thường:

Thế sự đôi co dầu thế sự

Rũ không thay thấy⁽¹⁾ chẳng hề chi

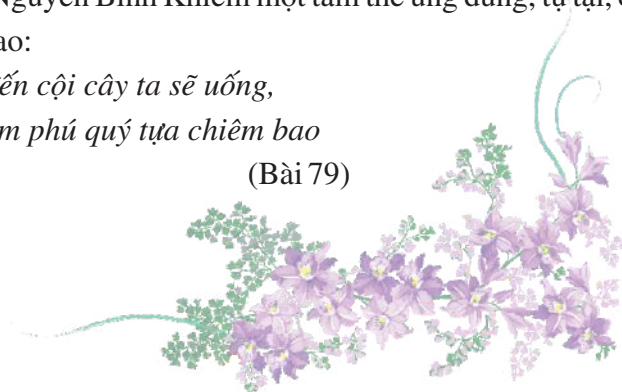
(Bài 92)

Bản ngã kiên định đã tạo nên ở Nguyễn Bình Khiêm một tâm thế ung dung, tự tại, coi danh lợi ở đời như một giấc chiêm bao:

Rượu đến cội cây ta sẽ uống,

Nhìn xem phú quý tựa chiêm bao

(Bài 79)



⁽¹⁾Thay thấy: tất cả, tất thấy

Chính cách nhìn và quan niệm về cuộc sống như thế đã tạo cảm hứng cho ông viết những bài thơ chứa đựng tư tưởng nhân.

Quan niệm sống *nhàn* trở thành một tư tưởng trong thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm. Trong tập *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* có tới 54 lần từ *nhàn* xuất hiện.

Tìm về *nhàn*, Nguyễn Bỉnh Khiêm tìm đến với thiên nhiên - một môi trường lý tưởng để lánh xa cõi tục. Thiên nhiên thanh sạch, tĩnh lặng là không gian đối lập với đời sống xã hội bụi bặm, xô bồ, ồn ào đương thời:

*Đêm, đợi trăng cài bóng trúc
Ngày, chờ gió thổi tin hoa*

(Bài 19)

Nhàn với Bạch Vân cư sĩ còn là sự đối lập với bon chen danh lợi. Trong thế giới *nhàn* đó, thi nhân được tự do, thỏa chí:

*Song hiên ngỏ cửa ngồi xem sách
Tự tại ngày qua mấy kẻ bằng*

(Bài 72)

Với tầm nhìn khái quát của một triết gia, trong đó có cả những chiêm nghiệm từng trải của cá nhân, Nguyễn Bỉnh Khiêm đã viết nên những vần thơ Nôm để gửi gắm khát vọng muốn khám phá những quy luật của thiên nhiên, xã hội, con người.

2. Đặc sắc nghệ thuật thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm

Thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm viết theo thể Đường luật quen thuộc. Tuy vậy, tác giả đã tiếp bước Nguyễn Trãi, góp phần phá cách, sáng tạo hình thức thơ thất ngôn xen lục ngôn:

*Đạo đức vui thay miễn khó khăn,
Quyền môn chốn ấy biếng bon chen.
Say phong nguyệt, trà ba chén,
Thú thanh nhàn, lều một căn.*

(Bài 94)

Thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm giàu tính triết lý. Trước những vấn đề xã hội và tự nhiên, tác giả thường tìm đến những suy luận triết học, những khẳng định, nhận xét tựa như những châm ngôn:

*Hoa càng tươi tốt thời hoa rữa⁽²⁾
Nước chứa cho đầy, nước ắt vơi*

(Bài 52)

⁽²⁾ *Rữa*: rã ra, sắp tàn, sắp rụng.



Để truyền tải những nội dung thể sự giàu triết lý, tác giả thường lựa chọn hình thức biểu đạt bằng các cặp từ trái nghĩa: giàu - khó; đại - khôn; hết - còn; được - mất; nơi vắng vẻ - chốn lao xao... Nhà thơ cũng xây dựng những hình tượng nghệ thuật cụ thể, sinh động:

*Thốt có tanh tào, ruồi đậu đến
Ang không mật mỡ, kiến bò chi*

(Bài 58)

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, Nguyễn Bình Khiêm được nhìn nhận là một trong những nhà văn hóa lớn. Ông là một nhà chính trị có uy tín, bậc hiền triết, nhà tiên tri đồng thời ông cũng là một tác gia lớn có những đóng góp quan trọng trong sự phát triển của văn học dân tộc.



1. Dựa vào mục I, em hãy giới thiệu với các bạn trong lớp một vài nét đặc sắc về nội dung thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm.
2. Theo em, yếu tố nào góp phần tạo nên nét đặc sắc về nghệ thuật trong thơ Nôm Nguyễn Bình Khiêm?

II. THỰC HÀNH ĐỌC - HIỂU

Thông tin trước khi đọc

Văn bản là bài thơ số 3 trong tập thơ nôm *Bạch Vân quốc ngữ thi tập* - tập thơ thể hiện cái chí của tác giả đồng thời khẳng định những đóng góp của Nguyễn Bình Khiêm trong việc Việt hóa thơ Đường luật.

Trải nghiệm cùng văn bản

THƠ NÔM - BÀI SỐ 3

Giàu hai bữa, khó hai niêu
Yên phận thì hơn hết mọi điều. *
Khát uống chè mai hơi ngọt ngọt,
Sốt⁽¹⁾ kể hiên nguyệt gió hiu hiu. **
Giang sơn tám bức là tranh vẽ,
Phong cảnh tứ mùa ấy gấm thêu,
Thông thả, hôm khuya nằm, sớm thức
Muôn vàn đã đội đức trời Nghiêu⁽²⁾.

Suy luận:

* Em hiểu thế nào về hai chữ *yên phận*?

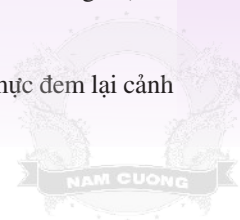
Tưởng tượng:

** Em hãy hình dung về cuộc sống của tác giả trong bốn câu thơ đầu.

(*Thơ văn Nguyễn Bình Khiêm*, NXB Văn học, 1987, trang 80)

⁽¹⁾Sốt: nóng bức.

⁽²⁾Nghiêu: Đế Nghiêu, vị vua tài giỏi, nhân từ và đức độ của Trung Quốc, được xem là vị vua mẫu mực đem lại cảnh thái bình cho muôn dân.





1. Xác định thể thơ của bài thơ Nôm số 3 và cho biết cơ sở để em xác định như vậy.
2. Đọc các cặp câu 1-2; 3-4; 5-6 và cho biết tác dụng của cách dùng từ, ngắt nhịp, gieo vần, biện pháp tu từ trong câu thơ.
3. Cách ngắt nhịp của câu thơ thứ 7 có gì đặc biệt? Cách ngắt nhịp đó giúp em hình dung như thế nào về tâm trạng của tác giả?
4. Câu thơ kết gửi gắm thông điệp gì của nhà thơ? Em có đồng tình với thông điệp này không? Vì sao?
5. Xác định cảm hứng chủ đạo của bài thơ. Căn cứ vào đâu để em xác định như vậy?



Luyện tập

Hãy chia sẻ với bạn bè về cảm xúc hoặc những quan sát, phát hiện thú vị sau khi em học xong bài thơ Nôm số 3.



Vận dụng

Em hãy thực hiện nhiệm vụ sau đây:

1. Giới thiệu với bạn bè về thơ Nôm Nguyễn Bỉnh Khiêm bằng các hình thức: lập một trang Facebook, thành lập câu lạc bộ thơ Nguyễn Bỉnh Khiêm...
2. Minh họa bài thơ Nôm số 3 bằng các phương tiện, cách thức mà em yêu thích (vẽ tranh, sáng tác nhạc...)



Chủ đề 7

PHÒNG CHỐNG ĐUỐI NƯỚC CHO HỌC SINH HẢI PHÒNG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Biết được thực trạng, hậu quả của đuối nước đối với học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng.
- Nhận diện được nguy cơ tiềm ẩn và trách nhiệm của học sinh Hải Phòng trong việc phòng chống đuối nước.



Mở đầu

Hải Phòng là thành phố ven biển, có nhiều sông, hồ, ao, kênh, mương..., do vậy, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra đuối nước đối với trẻ em. Tai nạn đuối nước không chỉ gây ra những mất mát to lớn đối với cá nhân, gia đình mà còn đối với toàn xã hội. Chính vì thế, mỗi chúng ta cần nâng cao ý thức, trách nhiệm trong việc quản lý, giám sát các hoạt động vui chơi của trẻ em, nhất là trong môi trường nước. Đồng thời, chủ động ngăn ngừa các nguy cơ từ xa, từ sớm có thể dẫn đến tai nạn đuối nước đối với trẻ em.



Hãy nêu một số vụ tai nạn đuối nước ở Hải Phòng mà em biết.



Kiến thức mới

I. THỰC TRẠNG, HẬU QUẢ CỦA TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

* Thông tin 1

Theo định nghĩa của WHO (Tổ chức Y tế Thế giới): “Đuối nước là hiện tượng khí quản của người lớn hay trẻ nhỏ bị một chất lỏng (thường là nước) xâm nhập vào dẫn tới khó thở. Hậu quả của ngạt thở lâu có thể là tử vong (chết đuối) hoặc không tử vong, nhưng gây tổn hại nghiêm trọng cho hệ thần kinh”.

* Thông tin 2

Tình hình tai nạn thương tích trẻ em nói chung và tình trạng đuối nước ở trẻ em nói riêng vẫn đang diễn ra. Thành phố Hải Phòng hiện có 66 trường Trung học phổ thông, 186 trường Trung học cơ sở, 207 trường Tiểu học và 310 trường Mầm non, với tổng số trên 500.000 học sinh. Hải Phòng có nhiều bãi biển, ao hồ, sông suối và những nơi này thường trở thành địa điểm vui chơi, giải trí của trẻ em trong mùa nắng nóng. Hàng năm, trên địa bàn vẫn xảy ra các vụ tai nạn đuối nước ở trẻ em, tập trung nhiều nhất vào dịp hè, đợt nắng nóng và độ tuổi trẻ bị đuối nước chủ yếu là trẻ từ 3 đến 14 tuổi...

Theo chỉ thị Số: 07/CT- UBND ban hành ngày 12 tháng 5 năm 2022 của UBND Thành phố Hải Phòng về việc tăng cường công tác phòng chống tai nạn, thương tích, đuối nước trẻ em: “Thực hiện Chương trình tai nạn, thương tích trẻ em của Chính phủ, các sở, ngành, đoàn thể và địa phương trên địa bàn thành phố đã tích cực triển khai các giải pháp phòng chống tai nạn, thương tích nói chung, phòng chống đuối nước trẻ em nói riêng và đạt được nhiều kết quả tích cực. Tuy nhiên, vào mỗi dịp hè trên địa bàn thành phố vẫn xảy ra tai nạn đuối nước, gây tử vong cho trẻ em. Năm 2021, theo số liệu báo cáo của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, trên địa bàn thành phố có 29 trẻ em tử vong do tai nạn thương tích, trong đó, số trẻ tử vong do đuối nước là 26 trẻ em”.



1. Qua các thông tin trên, em hãy cho biết: Thực trạng của tai nạn đuối nước đối với học sinh trên địa bàn thành phố Hải Phòng hiện nay như thế nào?
2. Bằng kiến thức thực tế, theo em, tai nạn đuối nước gây ra hậu quả gì?

Thực trạng, hậu quả của tai nạn đuối nước trên địa bàn thành phố Hải Phòng

- Các vụ tai nạn đuối nước của trẻ em ở Hải Phòng vẫn tồn tại.
- Tai nạn đuối nước có thể dẫn đến các vấn đề sức khỏe lâu dài, hồi phục khó khăn và chi phí điều trị tốn kém.
- Người bị tai nạn đuối nước thường gặp phải các biến chứng về phổi, mắc phải hội chứng suy hô hấp cấp, viêm phổi... do thiếu oxy trong cơ thể.
- Người bị tai nạn đuối nước có thể bị tổn thương não hoặc tổn thương về mặt thể chất, mất cân bằng dịch cơ thể và các chất hóa học...
- Người bị tai nạn đuối nước cũng có thể bị tàn tật, rơi vào trạng thái sống thực vật vĩnh viễn.
- Đặc biệt, người bị tai nạn đuối nước cũng có thể bị tử vong.



II. NHẬN DIỆN NGUY CƠ TIỀM ẨN VỀ TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC CỦA HỌC SINH HẢI PHÒNG

Thành phố Hải Phòng có hơn 125 km đường bờ biển, hệ thống sông hồ lớn, mật độ trung bình từ 0,6 - 0,8 km/1 km². Hải Phòng có 16 sông chính tỏa rộng khắp địa bàn thành phố với tổng độ dài trên 300 km. Các quận Đồ Sơn, Dương Kinh và các huyện ngoại thành như Kiến Thụy, An Dương, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng, An Lão, Thủy Nguyên, Cát Hải... có rất nhiều sông, ao, hồ, cống thủy nông khá lớn, rộng và dài, có mực nước sâu, có biển với những bãi tắm. Do đặc thù địa lí đó nên hàng năm đã xảy ra những vụ tai nạn đuối nước thương tâm.

Vùng biển, sông, ao, hồ, vùng nước sâu không có rào chắn, không có biển cảnh báo nguy hiểm



- Mưa to, bão lụt,... xảy ra thường xuyên



- Giếng nước trong gia đình không có nắp đậy



- Hố sâu nguy hiểm ở các công trường xây dựng



- Dòng chảy xa bờ



- Vùng nước xoáy



- Cống thoát nước không có nắp đậy



Qua thông tin và hình ảnh trên, hãy cho biết: Ở Hải Phòng có những nguy cơ tiềm ẩn nào về tai nạn đuối nước có thể xảy ra với học sinh?

Nguy cơ tiềm ẩn về tai nạn đuối nước

- Vùng biển, sông, ao, hồ, kênh, mương, vùng nước sâu, các công trường xây dựng có hố sâu nguy hiểm hoặc hố ga, cống thoát nước không có rào chắn, không có biển cảnh báo nguy hiểm.
- Không có kỹ năng an toàn trong môi trường nước khi đi bơi, khi tham gia vui chơi dưới nước.
- Không biết bơi, hoặc biết bơi nhưng chủ quan, không lường trước được sự nguy hiểm.
- Bơi ở những nơi nước sâu, nguy hiểm, bơi khi thời tiết xấu (mưa, dông bão).
- Bơi ra ngoài khu vực an toàn hoặc không có sự giám sát của người lớn.
- Không nghiêm chỉnh chấp hành các quy định về an toàn đối với hành khách khi tham gia giao thông đường thủy.
- Chum, vại, bể chứa nước hay giếng khơi trong gia đình không có nắp đậy.
- Mưa to, bão lụt... xảy ra thường xuyên.

III. TRÁCH NHIỆM CỦA HỌC SINH HẢI PHÒNG TRONG PHÒNG CHỐNG TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC

Trung và Tùng đang học bơi ở Cung văn hoá Hữu Nghị Việt- Tiệp, cả hai bạn đều rất vui vì có một mùa hè bổ ích với bộ môn bơi. Trung nói:

- Thật là mát mẻ và dễ chịu! Sau hè này, chúng mình đã biết bơi, đã có thể tự bảo vệ mình khi đến những vùng có sông, suối, ao, hồ, vùng nước sâu nguy hiểm.

Tùng nhắc nhở bạn:

- Trung ơi! Đừng quên! Chúng ta phải tuân thủ các quy tắc an toàn khi tiếp xúc với nước đấy. Tai nạn đuối nước có thể xảy ra bất cứ lúc nào. Vậy nên, chúng ta cần có trách nhiệm tìm hiểu, trang bị kiến thức về mối nguy hiểm, các yếu tố nguy cơ và kỹ năng phòng chống đuối nước; tập bơi sớm (ngay từ khi 4 tuổi); hiểu rõ các quy tắc liên quan đến kỹ năng bơi lội. Và có lẽ, mình cũng cần luôn ghi nhớ các số điện thoại của người thân, số điện thoại khẩn cấp để tìm kiếm sự hỗ trợ trong tình huống gặp tai nạn đuối nước.

- Chuẩn đấy. Tổ còn một thắc mắc nữa, nếu tổ muốn tìm hiểu thêm về phòng chống tai nạn đuối nước, tổ có thể truy cập trang web hay liên lạc với số điện thoại nào?- Trung nhờ Tùng giải đáp.

- Theo tổ, để tìm hiểu thông tin về phòng chống tai nạn đuối nước, chúng ta có thể gọi điện đến số 111- Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em hoặc truy cập website để được tư vấn

<http://phongchongduoinuoc.com.vn/>

<https://www.tiktok.com/@phongchongduoinuocvn>

<http://www.facebook.com/phongchongduoinuocreem/>

- Cảm ơn chia sẻ của cậu, tổ đã ghi nhớ rồi!





1. Hải Phòng là thành phố ven biển, có nhiều sông ao, hồ, kênh, mương, ... nên luôn tiềm ẩn nguy cơ xảy ra đuối nước đối với trẻ em. Theo em, học sinh cần có trách nhiệm gì trong việc phòng chống tai nạn đuối nước?
2. Khi cần tìm hiểu về phòng chống tai nạn đuối nước, em có thể truy cập trang web hay số điện thoại nào để được tư vấn?
3. Em sẽ liên lạc với tổng đài điện thoại nào khi xảy ra tình huống có người bị tai nạn đuối nước?
4. Đại Hội đồng Liên Hợp Quốc lần đầu tiên trong lịch sử đã thông qua Nghị quyết về vấn đề đuối nước toàn cầu vào tháng 4 năm 2021 và lựa chọn Ngày thế giới phòng chống đuối nước. Em cho biết đó là ngày nào?

Trách nhiệm của học sinh Hải Phòng trong việc phòng chống tai nạn đuối nước

- ***Tìm hiểu, trang bị kiến thức về mối nguy hiểm, các yếu tố nguy cơ, và kỹ năng phòng chống đuối nước.***

- ***Tập bơi sớm (ngay từ khi 4 tuổi).***

- ***Hiểu rõ các quy tắc***

+ ***Quy tắc đảm bảo an toàn ở những nơi có nước sâu nguy hiểm.***

+ ***Quy tắc học bơi.***

+ ***Quy tắc kiểm tra an toàn trước khi xuống nước và trong các môi trường nước cụ thể.***

+ ***Quy tắc an toàn khi bơi lội.***

- ***Luôn ghi nhớ các số điện thoại của người thân, số điện thoại khẩn cấp:***

111: Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em.

112: Gọi cứu hộ, cứu nạn.

115: Gọi cấp cứu y tế.

ĐỂ TÌM HIỂU THÔNG TIN VỀ PHÒNG, CHỐNG TAI NẠN ĐUỐI NƯỚC

Truy cập website

<http://phongchongduoinuoc.com.vn/>

<https://www.tiktok.com/@phongchongduoinuocvn>

<http://www.facebook.com/phongchongduoinuocvntreem/>

hoặc gọi điện đến số 111 Tổng đài Quốc gia Bảo vệ trẻ em để được tư vấn.



Luyện tập

1. Quan sát và thảo luận
 - a. Quan sát hình ảnh



- Trẻ em đang chơi ở gần ao



- Mặc áo phao khi ngồi trên thuyền



- Trẻ em học bơi ở trung tâm dạy bơi uy tín



- Trẻ em bơi lội, chơi đùa bên bờ biển nhưng không có người lớn giám sát



b. Thảo luận

Nên và không nên làm những việc làm nào trong các hình ảnh trên để phòng tránh tai nạn đuối nước? Vì sao?

2. Dự đoán sự nguy hiểm có thể xảy ra và cách xử lý của mỗi nhân vật trong các tình huống sau:

a. Trên đường đi học về, trời nắng nóng, Hùng rủ Nam xuống sông tắm nhưng Nam từ chối và khuyên Hùng không nên xuống sông tắm.

b. Tan học, Tiến và Dũng đạp xe về nhà. Bỗng hai bạn gặp một em bé bị ngã xuống ao. Rất nhanh, Tiến nói:

- Để tổ nhảy xuống cứu bé.
- Không, nguy hiểm đấy- Dũng cản Tiến, sau đó, vừa chạy vừa hô hoán:
- Cứu...! Cứu với...! Có ai không, giúp chúng cháu với, có em bé bị ngã xuống ao!

3. Xử lý tình huống

Mùa hè, mẹ muốn đăng ký cho Hoa một khoá học bơi. Hoa chưa biết bơi nhưng không muốn đi học vì ngại. Nếu em là bạn của Hoa thì em sẽ khuyên Hoa những gì?

4. Em đã thực hiện việc phòng tránh tai nạn đuối nước như thế nào? Đối với những việc thực hiện chưa tốt, em hãy nêu cách khắc phục theo bảng gợi ý dưới đây:

Gợi ý:

Việc đã thực hiện tốt	Việc chưa thực hiện tốt	Cách khắc phục những việc chưa thực hiện tốt



Vận dụng

Em hãy thực hiện nhiệm vụ sau đây:

Thiết kế một sản phẩm tuyên truyền kỹ năng ứng phó với tai nạn đuối nước (bài thuyết trình, vở kịch, bài thơ, bài hát hoặc video, poster, infographic...).

Chủ đề 8

BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN KHU VỰC HẢI PHÒNG

Học xong chủ đề này, em sẽ:

- Nêu được một số nguyên nhân cơ bản gây ô nhiễm và hậu quả ô nhiễm môi trường biển Hải Phòng.
- Biết được một số giải pháp chủ yếu bảo vệ môi trường biển Hải Phòng.
- Nhận thức được vấn đề bảo vệ môi trường biển là đúng đắn, quan trọng.



Mở đầu

Hải Phòng là thành phố ven biển, có 3 quận và 5 huyện giáp biển là quận Đồ Sơn, Dương Kinh, Hải An; huyện Tiên Lãng, Kiến Thụy, Thủy Nguyên, huyện đảo Cát Hải và huyện đảo Bạch Long Vĩ. Tài nguyên biển của Hải Phòng rất đa dạng đây là nguồn lực quan trọng để phát triển nhiều ngành kinh tế biển: du lịch biển, đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, giao thông vận tải biển... Tuy nhiên, trong những năm qua, môi trường biển ở Hải Phòng đang ở tình trạng ô nhiễm bởi những nguyên nhân từ kinh tế - xã hội và nguyên nhân từ tự nhiên.

Ô nhiễm môi trường biển đã làm ảnh hưởng đến tài nguyên biển, ảnh hưởng đến đời sống, sức khỏe cộng đồng và dân cư ven biển. Vì vậy, việc bảo vệ môi trường nói chung, bảo vệ môi trường biển nói riêng là vấn đề quan trọng trong sự phát triển bền vững của thành phố Hải Phòng.



Kiến thức mới

I. NGUYÊN NHÂN, HẬU QUẢ Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG BIỂN HẢI PHÒNG

Kinh tế - xã hội

Nguyên nhân		Hậu quả
Hoạt động công nghiệp	Nước thải, chất thải từ hoạt động sản xuất công nghiệp, từ các khu công nghiệp ở ven biển hoặc trên lưu vực sông.	Làm suy thoái môi trường nước của các sông, vùng nước ven biển gần các khu công nghiệp như Đình Vũ, An Dương, Đồ Sơn...



Nguyên nhân		Hậu quả
Hoạt động nông nghiệp	Chăn nuôi: chất thải từ thức ăn thừa, phân, nước tắm... Trồng trọt: phân bón và các hóa chất bảo vệ thực vật.	Chất thải được xả chung vào hệ thống mương, sông đưa ra gây ô nhiễm nguồn nước biển. Các trang trại tập trung chủ yếu ở An Lão, Kiến Thụy, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo.
Hoạt động kinh tế biển	Hoạt động du lịch biển Nước thải, chất thải sinh hoạt trong hoạt động du lịch, đặc biệt các tháng cao điểm về du lịch lượng khách tăng. Dầu mỡ từ tàu thuyền du lịch.	Lượng chất thải và rác thải quá tải chưa kịp xử lý tác động xấu đến môi trường sinh sống của người dân vùng ven biển, làm tổn hại đến môi trường du lịch biển, nhất là tại Đồ Sơn, Cát Bà.
	Phát triển cảng biển Chất thải phát sinh trong quá trình sửa chữa, đóng mới tàu thuyền... Gia tăng mật độ tàu thuyền hoạt động trên biển. Các sự cố về môi trường biển: sự cố tràn dầu, hoá chất, cháy nổ.	Ô nhiễm môi trường biển ven bờ, suy giảm hệ sinh thái, làm thu hẹp một số diện tích rừng ngập mặn tại Hải An, Thuỷ Nguyên, Tiên Lãng...
	Nuôi trồng thủy sản ở vùng biển Chất thải từ các loại hóa chất trong xử lý nước nuôi trồng thủy sản, hóa chất phòng ngừa dịch bệnh, thức ăn thừa tại các lồng, bè.	Các chất thải này tăng dần nếu không xử lý kịp thời sẽ làm ô nhiễm nguồn nước nuôi trồng thủy sản, gây chết các loài sinh vật biển, đặc biệt ở những vùng có diện tích nuôi trồng lớn như Đồ Sơn, Cát Bà, Hải An...
Đô thị hoá ven biển	Nhiều đô thị gần sông, sát biển mới ra đời như khu đô thị ven sông Lạch Tray, khu đô thị Bắc sông Cấm... Dân cư tập trung đông ở các khu vực ven biển.	Gia tăng các chất thải, làm giảm chất lượng nước để nuôi trồng thủy sản, phục vụ nhu cầu của người dân ở ven biển.



▲ Hình 8.1. Dấu vết của dầu tràn trên hệ sinh thái bãi triều Phù Long, huyện Cát Hải (Ảnh: Viện Tài nguyên và Môi trường biển)



▲ Hình 8.2. Cảng Hải Phòng (Ảnh: Nguyễn Thanh Sơn)

Tự nhiên

Nguyên nhân

Tác động của thiên tai

Bão, nước biển dâng: bão đổ bộ vào ven bờ thường làm cho mực nước biển dâng cao.

Ngập lụt và xâm nhập mặn: ngập lụt kéo dài, kết hợp với thủy triều dâng.



▲ Hình 8.3. Bãi cát biển bị xói lở vào mùa gió Tây Nam và bị ô nhiễm rác thải ở bờ Tây Nam đảo Bạch Long Vĩ (Ảnh: Viện Tài nguyên và môi trường biển)

Tác động của hiện tượng sa bồi

Nguồn bồi tích ở vùng cửa sông, ven biển.



▲ Hình 8.5. Sa bồi gây lấp cống Rộc - Tiên Lãng (Ảnh: Viện tài nguyên môi trường biển)

Hậu quả

Bão làm cho môi trường vùng biển bị ảnh hưởng do khối lượng lớn rác thải, chất thải dồn vào vùng ven bờ, như ở huyện đảo Cát Hải, huyện đảo Bạch Long Vĩ.

Ngập lụt và xâm nhập mặn kéo dài có thể gây ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt của người dân, nguồn nước nuôi trồng thủy sản.



▲ Hình 8.4. Rác thải trên biển trôi dạt vào và sóng hất lên bờ đảo Bạch Long Vĩ. (Ảnh: Viện Tài nguyên và môi trường biển)

Quá trình này đã gây đục một số vùng ven bờ biển và tác động xấu đến môi trường như ở vùng biển Đồ Sơn.



▲ Hình 8.6. Con bão số 2 năm 2005 đã phá hủy bờ kè biển kiên cố ở Đồ Sơn (Ảnh: Viện tài nguyên môi trường biển)

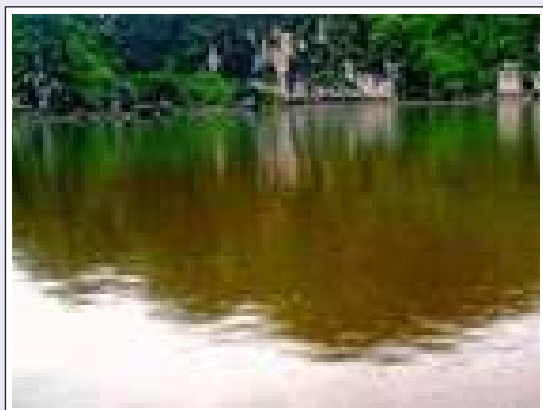


Dựa vào thông tin mục I trong bài, em hãy nêu nguyên nhân gây ô nhiễm môi trường biển.

Hiện tượng thủy triều đỏ

Một số loài vi tảo khi gặp điều kiện môi trường thuận lợi có khả năng bùng phát với mật độ cao, đôi khi làm đổi màu nước, tạo nên các màu như xanh, đỏ, nâu vàng,... gọi là hiện tượng nở hoa tảo độc hại hay thủy triều đỏ. Chúng có thể là những loài sinh độc tố hay không sinh độc tố nhưng đều có thể là nguyên nhân gây chết hàng loạt đối với cá và động vật biển.

Thủy triều đỏ lần đầu tiên được ghi nhận ở Hải Phòng vào tháng 7/1998, tảo silic *Skeletonema costatum* đã nở hoa ở khu vực cảng Cát Bà. Tháng 2 và tháng 7/1999, tảo *Skeletonema costatum* lại nở hoa trong vùng biển Đồ Sơn. Tháng 1/2002, loài tảo *Prorocentrum minimum* đã phát triển trong ao nuôi ương tôm ở Đồ Sơn (Hải Phòng) làm cho nước ao có màu nâu đỏ và làm cho tôm, cá, cua trong ao bị chết. Vào tháng 6 năm 2008, Viện Tài nguyên và Môi trường biển tiếp tục phát hiện một đợt thủy triều đỏ quy mô khá lớn ở vùng biển Cát Bà với một khu vực rộng lớn nước biển chuyển sang màu nâu đỏ. Trong năm 2012 đã phát hiện 3 đợt bùng phát thủy triều đỏ tại khu vực Cát Bà. Từ cuối tháng 3/2012, tảo bùng phát với mật độ cao, tạo ra các vầng nổi trên bề mặt, lớp vầng có màu từ hồng nhạt đến đỏ tùy thuộc vào mật độ và giai đoạn phát triển của tảo.



▲ Hình 8.7.

Thủy triều đỏ bùng phát vùng biển
Cát Bà, ngày 17/6/2008 (Ảnh: Đinh Văn Huy)



▲ Hình 8.8.

Thủy triều đỏ xuất hiện ở
vùng biển vịnh Lan Hạ (Cát Bà - Hải Phòng)
(Ảnh: Báo Thanh niên Online)

II. MỘT SỐ GIẢI PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG BIỂN Ở HẢI PHÒNG

1. Quản lý và bảo vệ môi trường vùng bờ biển, hải đảo

Quản lý khai thác tài nguyên khoáng sản biển, khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản, khai thác tài nguyên du lịch ... để bảo vệ môi trường .

- Xử lý các cơ sở sản xuất gây ô nhiễm môi trường.
- Kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu phế liệu qua cảng, giám sát các hoạt động nhập khẩu, cung ứng dầu trên biển của Hải Phòng.
- Thành lập vườn quốc gia, khu dự trữ sinh quyển thế giới Cát Bà.
- Huyện đảo Cát Hải đã thành lập ban quản lý vịnh thuộc quần đảo Cát Bà để quản lý các vịnh cũng như quản lý các vấn đề nuôi trồng thủy sản. Huyện đã tiến hành di dời và sắp xếp một số điểm nuôi thủy sản. Cụ thể, khu vực vịnh Lan Hạ di dời toàn bộ bè để phục vụ cho công tác quy hoạch phát triển ngành du lịch.

2. Giáo dục tuyên truyền và liên kết tham gia của cộng đồng

- Tuyên truyền giáo dục cho người dân (nhất là người dân vùng ven biển) và khách du lịch nâng cao ý thức, trách nhiệm về bảo vệ môi trường biển.
- Tuyên truyền cá nhân, người dân, tổ chức sống ở vùng ven biển xả rác đúng nơi quy định, không vứt rác bừa bãi xuống các vùng nước sông, hồ, ao, biển.
- Tuyên truyền, tổ chức thu gom rác thải ở các vùng nước ven biển.

3. Khắc phục vấn đề ô nhiễm môi trường biển

- Khắc phục sự cố tràn dầu, đắm tàu để không gây ô nhiễm trên diện rộng.
- Khắc phục tình trạng ô nhiễm và suy thoái môi trường nghiêm trọng, tăng cường kiểm soát ngăn ngừa các nguồn gây ô nhiễm biển: nguồn phát thải từ sản xuất , sinh hoạt ...
- Tăng cường công tác dự báo thời tiết (mưa, bão...) để có biện pháp phòng chống và hạn chế tới mức thấp nhất thiệt hại mà nó gây ra ô nhiễm do sập cầu, cống, các công trình, cơ sở hạ tầng, các đường giao thông, các cảng biển, nhà máy xí nghiệp ven biển...

4. Ứng phó với biến đổi khí hậu và mực nước biển dâng

- Phục hồi, mở rộng, trồng mới diện tích rừng ngập mặn, hệ sinh thái bãi triều.
- Chủ động ứng phó với thiên tai, củng cố đê sông, đê biển, chống xâm nhập mặn.



Em hãy đề xuất một số giải pháp cụ thể để hạn chế ô nhiễm môi trường biển tại địa phương hiện nay.





Luyện tập

Em hãy vẽ sơ đồ tư duy thể hiện các nguyên nhân cơ bản gây ô nhiễm môi trường biển, hậu quả ô nhiễm môi trường biển, giải pháp bảo vệ môi trường biển tại Hải Phòng.



Vận dụng

1. Em hãy sưu tầm một đoạn tư liệu có nội dung về vấn đề bảo vệ môi trường biển của Hải Phòng.
2. Em hãy làm một sản phẩm để tuyên truyền tới cộng đồng về các giải pháp bảo vệ môi trường biển của địa phương.



*Nhóm biên soạn và nhà xuất bản trân trọng cảm ơn các tác giả
có tác phẩm, tư liệu được sử dụng trích dẫn trong cuốn sách này.*

Chịu trách nhiệm xuất bản

Chỉ đạo nội dung

ĐỖ VĂN LỢI
PHẠM THỊ THU HÀ

Biên tập nội dung

Biên tập mỹ thuật và trình bày bìa

VŨ VĂN LONG

Đối tác liên kết: Công ty CP sách và thiết bị trường học Nam Cường

Địa chỉ: 31 Phan Bội Châu - Phường Hoàng Văn Thụ - Quận Hồng Bàng - TP Hải Phòng

ĐT: 0225.3839599 - Fax: 0225.3521555

Công ty CP sách và thiết bị trường học Nam Cường giữ quyền công bố tác phẩm

TÀI LIỆU

GIÁO DỤC ĐỊA PHƯƠNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG LỚP 8

ISBN:

Địa chỉ:

